SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TiH – THCS – THPT CHU VĂN AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TiH – THCS – THPT CHU VĂN AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Đình Chung	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Phạm Thị Hồng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Quản lý khối Tiểu học	Ủy viên Hội đồng	
5	Giáp Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	Ủy viên Hội đồng	
6	Phạm Ngọc Duy Ly	Phụ trách Cơ sở vật chất- Tài chính	Ủy viên Hội đồng	
7	Đoàn Phan Hòa Ninh	Trợ lý thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
8	Đỗ Cao Trí	Nhân viên Công nghệ thông tin	Ủy viên Hội đồng	
9	Đặng Thị Bạch Tuyết	Nhân viên Kế toán	Ủy viên Hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ 3
PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU 5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ 14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ 14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ 18
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường 18
Mở đầu: 18
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường 19
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác 22
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường 25
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng 30
Tiêu chí 1.5: Lớp học 33
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản 36
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên 39
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục 42
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở 45
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học 48
Kết luận về Tiêu chuẩn 1: 52
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh 53
Mở đầu: 53
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng 54
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên 56
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên 60
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh 63
Kết luận về Tiêu chuẩn 2: 65
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học 66
Mở đầu: 66

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập 67
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập 69
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị 72
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước 75
Tiêu chí 3.5: Thiết bị 78
Tiêu chí 3.6: Thư viện 81
Kết luận về Tiêu chuẩn 3 84
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội 84
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh 85
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường 88
Kết luận về Tiêu chuẩn 4: 92
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả giáo dục 92
Mở đầu: 92
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 93
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện 98
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định 101
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 103
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh 106
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục 110
Kết luận về Tiêu chuẩn 5: 116
PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG 118
PHẦN IV. Phụ lục 4-Bảng danh mục mã minh chứng 119

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		

Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X		
Tiêu chí 3.5		X		
Tiêu chí 3.6		X		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X		
Tiêu chí 5.4		X		
Tiêu chí 5.5		X		
Tiêu chí 5.6		X	X	
Tổng số	00	28	20	01

Kết quả: Đạt mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt mức 1

PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An

Tên trước đây: Trường Trung học phổ thông Chu Văn An

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố	Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Chung
Quận	Bình Tân	Điện thoại	028.62985555
Phường	Bình Hưng Hòa	Fax	Không
Năm thành lập trường	Năm 2009	Website	www.cva.edu.vn
Công lập/ Tư thục	Tư thục	Số điểm trường	Không
Loại trường	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Loại hình khác	Có loại hình Nội trú, Bán trú
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số lớp học

Số lớp học	**Năm học 2018 – 2019**	**Năm học 2019 – 2020**	**Năm học 2020 – 2021**	**Năm học 2021 – 2022**	**Năm học 2022 – 2023**
Khối lớp 1	2	2	2	1	1

Khối lớp 2	1	2	1	1	1
Khối lớp 3	1	2	2	1	1
Khối lớp 4	1	1	2	2	1
Khối lớp 5	1	1	1	2	2
Khối lớp 6	1	1	1	1	1
Khối lớp 7	1	1	1	1	1
Khối lớp 8	1	1	1	1	1
Khối lớp 9	1	1	1	1	1
Khối lớp 10	5	4	5	4	5
Khối lớp 11	3	4	3	4	4
Khối lớp 12	4	2	4	3	4
Cộng	**22**	**22**	**24**	**22**	**23**

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018 – 2019	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	**31**	**31**	**32**	**32**	**32**
1	Phòng học	27	27	27	27	27
a	Phòng kiên cố	27	27	27	27	27

b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	3	3	5	5	5
a	Phòng kiên cố	3	3	5	5	5
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	1	1	0	0	0
a	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	**6**	**7**	**7**	**8**	**8**
1	Phòng kiên cố	2	2	2	3	3
2	Phòng bán kiên cố	4	5	5	5	5
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	**11**	**11**	**12**	**12**	**12**

1	Bếp ăn	2	2	2	2	2
2	Nhà ăn	1	1	1	1	1
3	Phòng Nội trú - Bán trú	8	8	9	9	9
	Cộng	**49**	**50**	**52**	**53**	**53**

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm Tự đánh giá: Tháng 9 năm 2023

	Tổng số	**Nữ**	**Dân tộc**	**Trình độ đào tạo**			**Ghi chú**
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	00	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Giáo viên	50	34	00	00	43	07	
Nhân viên	17	09	00	00	17	00	
Cộng	**69**	**44**	**00**		**60**	**09**	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	**Số liệu**	**Năm học 2018 – 2019**	**Năm học 2019 – 2020**	**Năm học 2020 – 2021**	**Năm học 2021 – 2022**	**Năm học 2022 – 2023**
1	Tổng số giáo viên	49	50	51	46	50
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	2,22	2,27	2,12	2,09	2,17
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	0,08	0,08	0,08	0,07	0,07
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện	0	0	0	0	0

	hoặc tương đương trở lên					
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	0	0	0	0	0
6	Các số liệu khác	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	**Số liệu**	**Năm học 2018 – 2019**	**Năm học 2019 – 2020**	**Năm học 2020 – 2021**	**Năm học 2021 – 2022**	**Năm học 2022 – 2023**
1	Tổng số học sinh	**560**	**573**	**646**	**601**	**701**
	- Nữ	224	242	278	250	297
	- Dân tộc thiểu số	12	12	16	12	17
	- Khối lớp 1	66	45	38	34	39
	- Khối lớp 2	36	55	35	35	32
	- Khối lớp 3	19	41	53	31	29
	- Khối lớp 4	25	21	39	49	35

	- Khối lớp 5	33	22	15	40	45
	- Khối lớp 6	23	21	19	8	27
	- Khối lớp 7	15	25	19	18	14
	- Khối lớp 8	18	20	27	15	24
	- Khối lớp 9	18	18	18	27	24
	- Khối lớp 10	142	104	136	119	180
	- Khối lớp 11	68	134	103	128	120
	- Khối lớp 12	97	67	144	97	132
2	Tổng số tuyển mới	231	173	193	161	255
3	Học 2 buổi/ngày	560	573	646	601	701
4	Bán trú	273	283	325	302	326
5	Nội trú	62	63	56	36	35

6	Bình quân số học sinh/lớp học	26	27	27	28	30
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	560 (100%)	573 (100%)	646 (100%)	601 (100%)	701 (100%)
	- Nữ	224	242	278	250	297
	- Dân tộc thiểu số	12	12	16	12	17
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	0	0	01	01	02
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	0	0	0	0	0
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	04	08	11	10	14
	- Nữ	0	02	03	04	03
	- Dân tộc thiểu số	04	08	11	10	14
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	01	01	02	02	05
	Các số liệu khác	0	0	0	0	0

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với Tiểu học)

Số liệu	Năm học 2018 – 2019	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%
Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	100%	100%	100%	100%	100%
Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%
Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%
Các số liệu khác	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0

c) Kết quả giáo dục (đối với trường có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2018 – 2019	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Ghi chú
Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi	21,3	19,0	26,8	13,6	11,3	
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá	58,8	52,2	50,0	46,4	51,6	
Tỉ lệ học sinh xếp loại trung bình	19,9	28,8	23,2	39,1	35,6	
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	0,00	0,00	0,00	0,9	1,5	

Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	55,2	73,0	63,1	60,0	55,7	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	39,3	23,4	29,6	29,8	34,7	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	5,5	3,6	7,3	9,0	8,3	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu	0,0	0,0	0,0	1,2	1,3	
Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	100	100	100	100	100	Đối với nhà trường có lớp tiểu học
Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	100	100	100	100	
Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	100	100	100	100	
Các số liệu khác	00	00	00	00	00	

5. Các số liệu khác: Không.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An xác định tự đánh giá chất lượng giáo dục sẽ tạo bước chuyển biến về chất lượng giáo dục của trường. Thông qua tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn, nhà trường đánh giá được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Qua đó, trường phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

I. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An được thành lập năm 2009 theo Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập trường Trung học phổ thông Chu Văn An; Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 11 tháng 07 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập Trường tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chu Văn An trên cơ sở mở rộng quy mô của Trường trung học phổ thông Chu Văn An.

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An, tọa lạc tại địa chỉ: Số 7, Đường số 1, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà trường vinh dự mang tên Chu Văn An – người thầy giáo mẫu mực của muôn đời.

Về cơ sở vật chất, trường được xây dựng trên diện tích hơn 4.574m^2 do Hội đồng quản trị đầu tư (không thuê mướn) với hai dãy nhà 04 tầng lầu, gồm 27 phòng học và các phòng chức năng thực hành phục vụ dạy học: Vật Lý – Công nghệ; Hóa

học – Sinh học; Âm nhạc; Mỹ thuật; Tin học. Tất cả các phòng học được nhà trường trang bị Ti vi 75inch phục vụ cho ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học; có 02 bếp ăn riêng phục vụ ăn uống cho học sinh Tiểu học và học sinh Trung học. Trường có khu nội trú nam, nữ riêng biệt, đủ chỗ cho trên 150 học sinh nội trú. Khu nhà ăn rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát, đủ sức phục vụ trên 500 học sinh mỗi buổi. Thực đơn các món ăn luôn được thay đổi hàng ngày, đủ chất dinh dưỡng và đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

Tất cả phòng học, phòng làm việc, phòng nội trú, phòng bán trú đều được trang bị máy lạnh, quạt máy. Quang cảnh, khuôn viên trường đẹp, rộng rãi, mát mẻ thuận lợi cho việc sinh hoạt tập thể và tổ chức các hoạt động giáo dục. Quy mô nhà trường tiếp nhận được trên 1000 học sinh.

Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường năm học 2022 – 2023 có 69 người; Trong đó cán bộ quản lí: 02 người (02 đạt trên chuẩn); Giáo viên trực tiếp giảng dạy ở 3 cấp học: 50 (đạt chuẩn 43; trên chuẩn 07); Nhân viên: 17 người. Chi bộ gồm có 08 đảng viên; Công đoàn cơ sở gồm có 27 công đoàn viên; Chi đoàn giáo viên có 05 đoàn viên. Đội ngũ thầy cô giáo trực tiếp giảng dạy là những giáo viên có nhiều kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm; tâm huyết với nghề; tận tụy, tôn trọng và hết lòng vì học sinh thân yêu.

Về học sinh, cuối năm học 2022 – 2023 trường có 23 lớp với 701 học sinh; trong đó: Cấp Tiểu học: 6 lớp, số lượng học sinh là 180; Cấp Trung học cơ sở: 4 lớp, số lượng học sinh là 89 học sinh; Cấp Trung học phổ thông: 13 lớp, số lượng học sinh là 432. Học sinh khối 8, 9, 11, 12 tiếp tục học tập theo chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 05 năm 2006. Học sinh khối 1, 2, 3, 6, 7, 10, học Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được giáo dục truyền thống, đạo đức lối sống, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm, hướng nghiệp, học nghề và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học.

Về tài chính, trường do chủ đầu tư xây dựng và điều hành hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Nguồn kinh phí hoạt động theo hình thức tự chủ 100% từ nguồn thu học phí và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Nhà trường được sự quan tâm của các cấp chính quyền, ban ngành địa phương quận Bình Tân và phường Bình Hưng Hòa, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và cha mẹ học sinh nên từng bước ổn định về số lượng, chất lượng. Tuy nhiên, nhà trường còn gặp nhiều khó khăn trong tuyển sinh, chất lượng đầu vào của học sinh còn thấp, cha mẹ học sinh trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống…

Công tác chuyên môn dạy và học được nhà trường xác định là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với hoạt động củng cố, bồi dưỡng, nâng cao nền tảng kiến thức và kỹ năng phù hợp với đối tượng học sinh trường tư thục; từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và từng bước tạo uy tín cho nhà trường. Trong nhiều năm qua, nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ để nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tập trung xây dựng kỷ cương, nề nếp trong dạy học và các hoạt động giáo dục khác; đẩy mạnh hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục; đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh; đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn…Vì vậy, chất lượng giáo dục của nhà trường hằng năm luôn ổn định, đảm bảo thực chất, năm sau cao hơn năm trước.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, công tác quản lý của nhà trường thường xuyên đổi mới phù hợp với thực tiễn để không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, tập trung của Chi bộ, Ban lãnh đạo trường; đồng thời phối hợp tốt với tổ chức đoàn thể phát huy dân chủ tại cơ sở, tạo điều kiện để các tổ chức đoàn thể hoạt động tốt và hiệu quả, hướng tới xây dựng khối đoàn kết và môi trường tập thể sư phạm thân thiện.

Với sự quan tâm sát sao của Hội đồng trường, sự chỉ đạo, hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân; Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; sự hỗ trợ, đồng thuận thống nhất của cha mẹ học sinh, chất lượng các mặt giáo dục của nhà trường từng bước được nâng lên, phát triển ổn định vững

chắc. Trong thời kỳ đổi mới giáo dục, việc đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục có vị trí, vai trò, ý nghĩa tích cực nhằm góp phần thúc đẩy công tác quản lý chất lượng giáo dục của nhà trường và của toàn Ngành Giáo dục, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

II. Mục đích tự đánh giá:

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An xác định mục đích tự đánh giá là nhằm xem xét, tự kiểm tra lại quá trình hoạt động của nhà trường trong tất cả các mặt; chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí; đồng thời đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

III. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An đã tiến hành công tác tự đánh giá từ ngày 20 tháng 04 năm 2023 và hoàn thành vào ngày 28 tháng 11 năm 2023, theo quy trình 07 bước quy định tại Hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Công văn của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc xác định yêu cầu, gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông.

Trong suốt quá trình tiến hành công tác tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá đã huy động toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên cùng với sự tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Để công tác tự đánh giá đạt hiệu quả, Hội đồng tự đánh giá của trường đã xác định rõ nguồn nhân lực cần huy động. Công việc dự kiến, các thông tin minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí được xác định và

phân công một cách cụ thể, khoa học. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được công khai rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của tập thể, cá nhân trong và ngoài trường. Sau đó Hội đồng tự đánh giá chỉnh sửa, thống nhất, hoàn thiện và công bố báo cáo trước tập thể nhà trường.

Về phạm vi tự đánh giá: trường đã bao quát toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo 28 tiêu chí được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An xác định: tổ chức và quản lý nhà trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, giữ vai trò quyết định đến hiệu quả và chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được mọi thành viên của nhà trường tham gia xây dựng, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường; thường xuyên được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và thống nhất cao trong quá trình tổ chức thực hiện.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, lớp học đủ về số lượng và có cơ cấu tổ chức, có kế hoạch hoạt động và thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Chi bộ đảng, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học được thành lập, có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, có đóng góp tích cực trong các hoạt động giáo dục của nhà trường và cộng đồng.

Nhà trường có các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua và khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục... thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường hằng năm.

Quản lý hành chính, tài chính, tài sản được nhà trường thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định của Luật doanh nghiệp, có sự ưu tiên đầu tư cho những nhiệm vụ trọng tâm từng năm học. Tài sản nhà trường được quản lý và kiểm soát chặt chẽ, được quan tâm bổ sung, sửa chữa kịp thời, đáp ứng nhu cầu hoạt động của nhà trường, phù hợp với yêu cầu của đổi mới chương trình giáo dục.

Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên được phân công, sử dụng đúng chuyên môn, hợp lý và phát huy tốt năng lực, đóng góp hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ.

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo tốt; môi trường, cảnh quan nhà trường xanh – sạch – đẹp góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả giáo dục và hình ảnh, uy tín của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và

phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Chiến lược phát triển của trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An giai đoạn 2016 – 2020; 2021 – 2025 được xây dựng với sự tham gia của Hội đồng quản trị (Hội đồng trường) và nhóm giáo viên có nhiều kinh nghiệm trong công tác giáo dục. Chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Theo đó, tầm nhìn trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An hướng đến là sẽ trở thành một ngôi trường tư thục có chất lượng giáo dục tốt, đào tạo ra những con người mạnh khỏe về thể chất, năng lực tư duy tốt, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học tập ở các bậc học cao hơn; là nơi học sinh lựa chọn để học tập, rèn luyện; nơi giáo viên, học sinh luôn có khát vọng vươn tới trở thành một công dân tốt và thành đạt trên chặng đường phía trước [H1-1.1-01].

b) Phương hướng chiến lược phát triển của trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An được xây dựng bằng văn bản theo Kế hoạch số 07/KH-CVA ngày 28 tháng 01 năm 2021 và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt; được cụ thể hóa bằng kế hoạch giáo dục của trường theo từng năm học. [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường qua các giai đoạn được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường www.cva.edu.vn và dán niêm yết lên bảng tin của trường để cán bộ quản lí, giáo viên, công nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh được biết [H1-1.1-02].

Mức 2:

Trong việc triển khai kế hoạch giáo dục từng năm học, nhà trường luôn luôn lấy các chỉ tiêu chính trong chiến lược phát triển của cả giai đoạn để đề ra các chỉ tiêu cho phù hợp với mục tiêu giáo dục và các nguồn lực mà nhà trường hiện có; đồng thời giao cho Ban kiểm soát triển khai các giải pháp đồng bộ để kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường, Hội nghị người lao động, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đối chiếu với mục tiêu chiến lược phát triển của nhà trường. Qua đó tham mưu, giúp lãnh đạo trường điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển cho phù hợp với từng năm học và điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. Tuy nhiên, nhà trường chưa thực hiện tốt việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung, giám sát kịp thời thực hiện chiến lược phát triển theo lộ trình từng giai đoạn [H1-1.1-03].

Mức 3:

Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược của nhà trường theo từng năm vẫn chưa kịp thời. Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường được công khai nhưng sự đóng góp ý kiến của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và của cộng đồng dân cư trong địa phương còn ít.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng được chiến lược phát triển giáo dục rõ ràng bằng văn bản, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục và được công khai tại phòng Hội đồng sư phạm và trang thông tin điện tử của trường.

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cụ thể hóa hàng năm bằng kế hoạch năm học với những chỉ tiêu và giải pháp cụ thể sát với thực tế, phù hợp với mục tiêu giáo dục và các nguồn lực mà nhà trường hiện có; đồng thời giao cho Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược và đề xuất điều chỉnh phù hợp với lộ trình từng giai đoạn nên có tính khả thi cao.

3. Điểm yếu:

Việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh và bổ sung, giám sát thực hiện kế hoạch

chiến lược phát triển của nhà trường thực hiện còn chậm.

Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường được công khai nhưng sự đóng góp ý kiến của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và của cộng đồng dân cư trong địa phương còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng lập kế hoạch, đề ra phương hướng, giải pháp cụ thể hơn như tổ chức sơ kết theo từng học kỳ, năm học, rút ra những mặt đã làm được và chưa làm được; trên cơ sở các ý kiến góp ý để bổ sung và điều chỉnh nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo định hướng đổi mới chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiếp tục tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia tích cực trong việc đóng góp ý kiến về phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường. Chú trọng việc tuyên truyền, quảng bá hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường sâu rộng tại địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng quản trị nhà trường được công nhận theo Quyết định số 300/QĐ-GDĐT-TC ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó được đổi tên (thay thế) thành Hội đồng trường có nhiệm kỳ hoạt động từ năm 2022 đến năm 2027 theo Quyết định số 2091/QĐ-GDĐT-TC ngày 18 tháng 08 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng trường có 05 thành viên gồm: 02 Chủ đầu tư, 01 Hiệu trưởng, 01 giáo viên, 01 nhân viên [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02].

Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng vào đầu mỗi năm học. Thành phần của Hội đồng thi đua khen thưởng gồm có: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, Tổ trưởng tổ văn phòng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Trợ lý thanh niên và giáo viên chủ nhiệm lớp [H1-1.2-03].

Hội đồng kỷ luật được thành lập khi có học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện để giáo dục, xét đề nghị xử lý kỷ luật theo các hình thức hoặc xét hạ mức kỷ luật đối với học sinh theo từng vụ việc. Hội đồng kỷ luật do Hiệu trưởng làm chủ tịch và các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, thư ký hội đồng, giáo viên chủ nhiệm lớp có học sinh phạm lỗi, quản lý học sinh, đại diện giáo viên có kinh nghiệm giáo dục và thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh trường.

Ngoài ra, nhà trường còn thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng tuyển sinh lớp 1, lớp 6 và lớp 10; Hội đồng xét tốt nghiệp tiểu học, trung học cơ sở; Hội đồng Kiểm tra, đánh giá giúp các hoạt động chuyên môn của trường diễn ra xuyên suốt và hiệu quả, đúng quy chế [H1-1.2-04].

b) Hội đồng quản trị (Hội đồng trường) thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9 của Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục (ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011) và Điều 7, mục 4 của Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường

phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục (ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-05].

Các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT) [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07].

c) Các hoạt động của các hội đồng định kì được thực hiện rà soát, đánh giá, được thể hiện trong Nghị quyết của nhà trường, của Hội đồng quản trị (Hội đồng trường) và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm. [H1-1.2-08].

Mức 2:

Hội đồng quản trị (Hội đồng trường) và các hội đồng khác luôn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Hội đồng quản trị (Hội đồng trường) đã góp ý, tư vấn và giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động của trường và đề ra các biện pháp để duy trì ổn định, thực hiện đạt các chỉ tiêu về chất lượng giáo dục từng năm học, góp phần ổn định và nâng cao chất lượng giáo dục hằng năm. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng trong nhà trường chưa vẫn còn nhiều hạn chế nên chưa khuyến khích và ghi nhận được sự đóng góp, cống hiến trong thực hiện nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên cho sự phát triển của nhà trường [H1-1.2-06] [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh:

Hội đồng trường và các hội đồng khác luôn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 10, 12 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 06 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Các thành viên của hội đồng làm việc đúng chức năng, có hiệu quả, trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Hiệu quả hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng hằng năm trong nhà trường vẫn còn nhiều hạn chế nên chưa khuyến khích được sự đóng góp, cống hiến trong thực hiện nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên cho sự phát triển của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tham mưu, đề xuất Hội đồng trường tăng cường công tác thi đua khen thưởng; xây dựng các tiêu chí thi đua đối với giáo viên, nhân viên. Căn cứ tiêu chí thi đua để xét duyệt, ghi nhận mức độ, hiệu quả đóng góp, cống hiến, khuyến khích giáo viên, nhân viên tích cực đóng góp cho sự phát triển về chất lượng giáo dục của nhà trường.

Tiếp tục chỉ đạo các thành viên của Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định. Tăng cường hơn nữa công tác giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường. Hội đồng trường tạo điều kiện tối đa cho tất cả các hoạt động giáo dục của nhà trường thực hiện đạt được các chỉ tiêu đề ra hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Các đoàn thể trong nhà trường có cơ cấu và tổ chức theo quy định như: Công đoàn cơ sở, Chi đoàn giáo viên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Năm học 2022 – 2023, Công đoàn cơ sở trường có 27 công đoàn viên, Ban Chấp hành Công đoàn có 01 Chủ tịch và 02 ủy viên; Chi đoàn giáo viên có 05 đoàn viên, Ban chấp hành chi đoàn giáo viên gồm 01 Bí thư, 02 Ủy viên; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường trung học phổ thông Chu Văn An có 128 đoàn viên; Ban chấp hành đoàn trường có 09 thành viên (01 Bí thư, 01 Phó Bí thư, 01 Ủy viên thường trực và 06 Ủy viên). **[**H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Ngoài các đoàn thể, nhà trường còn có Ban chấp hành Chi hội Khuyến học gồm có 07 thành viên, Chi hội Khuyến học hoạt động theo hướng dẫn của Ban chấp hành Hội Khuyến học quận Bình Tân [H1-1.3-04].

b) Hoạt động của các tổ chức: Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn giáo viên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học trong nhà trường được thực hiện theo điều lệ và các quy định hiện hành. Các đoàn thể và tổ chức có lập kế hoạch hoạt động hằng năm, hằng tháng và sinh hoạt theo định kỳ; góp phần cùng với nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, giúp nhà trường thực hiện đúng mục tiêu giáo dục đã đề ra [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

c) Hằng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá dựa trên các tiêu chí đánh giá thi đua của từng cơ quan đoàn thể cấp trên; được thể hiện trong các báo cáo tổng kết hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền đánh giá về hoạt động của các đoàn thể và các tổ chức khác trong thời gian từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022 – 2023 [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, là Chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ quận Bình Tân với 08 đảng viên. Cấp ủy Chi bộ gồm có 03 đảng viên (01 đồng chí bí thư, 01 đồng chí phó bí thư và 01 đồng chí chi ủy viên). Chi bộ đảng lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường và các tổ chức đoàn thể thông qua Nghị quyết của Chi bộ nhằm định hướng về công tác tư tưởng chính trị và nhiệm vụ chính trị của các tổ chức. Chi bộ tổ chức sinh hoạt thường kỳ mỗi tháng 01 lần. Nội dung sinh hoạt bám sát Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 06 tháng 07 năm 2018 của Ban Tổ chức Trung ương. Chi bộ thực hiện tốt việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên, đảm bảo mỗi đảng viên đều có nhiệm vụ cụ thể của mình. Hằng năm, 100% đảng viên đều đăng ký "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Từng đảng viên thực hiện sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đầy đủ theo quy định; nghiêm túc thực hiện quy định về những điều đảng viên không được làm; luôn nhiệt tình, trách nhiệm và gương mẫu trong mọi hoạt động của nhà trường. Chi bộ thực hiện tốt việc xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, hằng năm đều giới thiệu được quần chúng ưu tú học cảm tình đảng và kết nạp đảng viên mới theo quy định [H1-1.3-05].

Hằng năm, Đảng bộ cấp trên có văn bản nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các hoạt động của tổ chức đảng trong nhà trường. Chi bộ nhà trường được thành lập 10 năm, trong đó, từ năm 2017 đến năm 2022, Chi bộ luôn được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-12].

b) Trong các năm học qua Chi bộ, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn giáo viên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Công đoàn luôn chăm lo tốt đời sống

công đoàn viên để đội ngũ an tâm công tác, đồng thời động viên giáo viên, nhân viên tích cực tham gia các phong trào của trường, của ngành giáo dục. Công đoàn cơ sở trường được công nhận ‘‘Hoàn thành tốt nhiệm vụ’’ hằng năm [H1-1.3-13].

Chi đoàn giáo viên tuyên truyền, giáo dục lý tưởng, hỗ trợ giúp đỡ đoàn trường; tổ chức các hoạt động hỗ trợ trong chuyên môn, giao lưu, chia sẻ và tạo nhiều sân chơi cho đoàn viên giáo viên. Tổ chức Đoàn Thanh niên tổ chức đa dạng các hoạt động, các phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm. Đoàn thanh niên tích cực hưởng ứng, tham gia các hoạt động phong trào, được Ban Chấp hành Quận đoàn Bình Tân công nhận Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ trong nhiều năm liền [H1-1.3-14].

Mức 3:

a) Chi bộ nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ từ năm 2018 đến năm 2022 [H1-1.3-12].

b) Hằng năm các tổ chức đoàn thể của trường đã có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động ở nhà trường cũng như ở cộng đồng. Công đoàn cơ sở đã tham mưu, kết hợp cùng nhà trường chăm lo bảo vệ quyền và lợi chính đáng cho người lao động. Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn và tham gia các cuộc thi, hội thi do cấp trên phát động. Tổ chức học tập trải nghiệm, tham quan du lịch và tích cực tham gia công tác ủng hộ từ thiện, các phong trào thi đua, các cuộc vận động lớn của ngành Giáo dục, của Đảng, của Công đoàn cấp trên**.**

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn là lực lượng tiên phong trong mọi hoạt động phong trào của nhà trường; đã tích cực, chủ động tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua, tham gia nhiệt tình các hoạt động chuyên môn, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Đồng thời tích cực phối hợp với các đoàn thể chính trị, thực hiện tốt chương trình hoạt động, các đợt thi đua, tổ chức hiệu quả hoạt động trong các ngày lễ lớn, tham gia có hiệu quả các cuộc thi do

Ban Chấp hành Quận đoàn Bình Tân tổ chức. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, thăm và giúp đỡ các gia đình có công với cách mạng, tham gia các hoạt động ở cộng đồng dân cư**,** góp phần đưa các hoạt động của nhà trường vào nề nếp và có chất lượng**.** Nhờ những hoạt động tích cực, hiệu quả cả trong nhà trường cũng như ở cộng đồng nên các tổ chức, đoàn thể của nhà trường đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc, hàng năm đều được các cấp ghi nhận và khen thưởng [H1-1.3-13].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam; Công đoàn cơ sở; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi đoàn giáo viên, Chi hội Khuyến học. Chi bộ, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của từng tổ chức hiện hành, đều được cấp trên đánh giá đạt kết quả hoạt động tốt; tích cực tham gia các hoạt động và đóng góp tích cực, hiệu quả cho các hoạt động phong trào của nhà trường và địa phương.

3. Điểm yếu:

Chi bộ và Chi đoàn giáo viên số lượng nhân sự ít nên còn gặp một số khó khăn khi tham gia các hoạt động phong trào của nhà trường và cấp trên đề ra.

Nhân sự tham gia công tác Đoàn thể trong nhà trường đều là kiêm nhiệm, khối lượng công việc nhiều nên quá trình tổ chức thực hiện hoạt động và xây dựng phát triển tổ chức còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và những năm tiếp theo, Ban lãnh đạo trường tiếp tục duy trì phát huy các điểm mạnh của mỗi tổ chức để nhà trường phát triển ổn định và bền vững. Phân công công việc phù hợp cho từng đối tượng, đề xuất tăng chế độ phụ cấp công tác kiêm nhiệm hợp lý để khuyến khích các thành viên tham gia và hoàn thành các nhiệm vụ phân công tốt hơn.

Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Chi bộ, sự phối hợp đồng bộ của các đoàn thể nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng do Hội đồng trường đề nghị, được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định công nhận có nhiệm kỳ là 5 năm. Lãnh đạo nhà trường đạt trình độ chuyên môn và nghiệp vụ quản lý theo quy định của Luật Giáo dục và Điều lệ trường trung học, có đủ năng và phẩm chất quản lý toàn diện mọi hoạt động của nhà trường. Mỗi thành viên trong Ban lãnh đạo nhà trường được phân công nhiệm vụ cụ thể để tổ chức, điều hành hoạt động giáo dục theo quy định hiện hành [H1-1.4-01].

b) Cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được quy định tại Điều

14, Điều 15 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT. Nhà trường có 06 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có tổ trưởng, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng, do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu, thống nhất của bộ phận chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu mỗi năm học [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

c) Hằng năm, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng tháng, học kỳ và cả năm học bám sát kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học của nhà trường; hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch giáo dục. Các tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần. Nội dung tập trung vào những vấn đề khó, cần giải quyết, sinh hoạt chuyên đề, chủ đề, nghiên cứu bài học và có kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm đưa ra những giải pháp tối ưu để hoạt động có hiệu quả; thực hiện cập nhật chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng dẫn của ngành đảm bảo bám sát nội dung đổi mới. Tổ văn phòng thực hiện các công việc của nhân viên theo từng vị trí việc làm. Từng tổ chuyên môn tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên; tham gia đánh giá xếp loại các thành viên của tổ định kỳ và hằng năm theo các quy định hiện hành [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H4-1.4-06];[H4-1.4-07].

Mức 2:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn đã phân công nhiệm vụ các nhóm chuyên môn, xây dựng chuyên đề để thực hiện trong từng học kì. Việc xây dựng và triển khai chuyên đề tiến hành theo các bước: xây dựng tên chuyên đề; tổ chức biên soạn câu hỏi, bài tập; tiến hành thiết kế các hoạt động dạy học; tổ chức dạy học và dự giờ; phân tích rút kinh nghiệm giờ dạy và cuối cùng là báo cáo hoàn thành chuyên đề. Mỗi tổ đã thực hiện được ít nhất 02 chuyên đề trong năm học, các chuyên đề đều áp dụng công nghệ thông tin vào đổi mới về phương pháp dạy và học nên đều có tác dụng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy và học [H1-1.4-08].

b) Sau mỗi học kỳ, mỗi năm học các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều tổ chức họp tổ tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động để rút ra những ưu điểm, hạn chế, những việc làm được, những việc chưa làm được nhằm kịp thời rút kinh nghiệm và điều chỉnh cho phù hợp để thực hiện tốt hơn [H1-1.4-06].

Mức 3:

a) Hiệu quả đóng góp của một số tổ chuyên môn cho hoạt động nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, nhất là hoạt động giáo mũi nhọn của nhà trường kết quả đạt được còn thấp.

b) Tổ chuyên môn chưa thực sự chủ động thực hiện các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch giáo dục năm học. Hiệu quả các chuyên đề đạt được chưa cao.

2. Điểm mạnh:

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu phù hợp. Hằng năm, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng bám sát các văn bản hướng dẫn của ngành, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học của nhà trường và tình hình thực tế của tổ; chủ động xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch từng học kỳ, từng tháng và thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Các thành viên của tổ văn phòng nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu:

Nhà trường có 03/05 tổ chuyên môn (tỷ lệ 60%) là tổ ghép nhiều bộ môn; một số giáo viên thuộc diện hợp đồng thỉnh giảng nên đã ảnh hưởng nhất định đến việc bố trí, sắp xếp thời gian hội họp và chất lượng sinh hoạt chuyên môn của tổ. Tuy nhiên, tổ chuyên môn chưa có sự đầu tư sâu về chất lượng sinh hoạt chuyên đề nên hiệu quả các chuyên đề đạt được chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu Hội đồng trường tuyển dụng đủ giáo viên cơ hữu, chủ động trong việc hợp đồng nhân sự giảng dạy để ổn định và phát triển nhà trường. Sắp xếp kế hoạch

dạy học hợp lý, có ngày chuyên môn; hạn chế bớt việc hợp đồng giáo viên thỉnh giảng để bố trí thời gian sinh hoạt tổ đúng quy định nhằm nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của tổ và nhà trường.

Lãnh đạo nhà trường có kế hoạch phát huy vai trò của tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn trong việc đổi mới nội dung, hình thức, chất lượng sinh hoạt chuyên đề phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với tình hình thực tế của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

a) Có đủ các khối lớp của cấp học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp; Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các lớp của cấp học từ khối tiểu học đến khối trung học cơ sở, trung học phổ thông thể hiện trong sổ đăng bộ học sinh và trong sổ điểm lưu của các lớp hàng năm [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học, cơ cấu mỗi lớp đều có ban cán sự lớp

gồm: 01 lớp trưởng phụ trách hoạt động chung, 01 lớp phó phụ trách vấn đề học tập, 01 lớp phó phụ trách kỷ luật, lao động, phong trào do lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp chia làm 04 tổ và mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó phụ trách hoạt động của tổ, giáo viên chủ nhiệm mỗi lớp đều nắm thông tin và cập nhật đầy đủ vào sổ chủ nhiệm [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

c) Các lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, theo định hướng của nhà trường, dưới sự quản lý của ban cán sự lớp và chỉ đạo, hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm. Mỗi lớp có 01 giáo viên chủ nhiệm do Hiệu trưởng phân công vào đầu năm học. Cơ cấu Ban cán sự lớp, Ban chấp hành Chi đoàn được thành lập theo một quy trình dân chủ, tự nguyện phục vụ lợi ích học tập, giáo dục, thực hiện theo nội quy, quy định của nhà trường. Phát huy quyền làm chủ của học sinh trong quá trình học tập, giáo dục, rèn luyện. Học sinh có điều kiện hiểu rõ quyền và trách nhiệm trong môi trường giáo dục, được rèn các kĩ năng lãnh đạo, kĩ năng tham gia, hợp tác trong các hoạt động ở lớp, trường. Mỗi lớp có quỹ lớp, thủ quỹ và các thành viên trong lớp được trao đổi dân chủ, bàn bạc, thống nhất việc chi tiêu phục vụ cho các nhu cầu cần thiết của tập thể lớp trên cơ sở đồng ý của nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh [H1-1.5-03]; [H1-1.2-08].

Mức 2:

Từ năm học 2018 – 2019 tới nay nhà trường luôn duy trì ở mức dưới 30 lớp học. Năm học 2022 – 2023, trường có 23 lớp học. Sĩ số học sinh cấp trung học phổ thông dao động mỗi lớp từ 30 đến 35 học sinh, không vượt quá quy định, phù hợp với môi trường, đối tượng học sinh ngoài công lập. Tuy nhiên công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp còn gặp khó khăn, chưa đạt chỉ tiêu đã đề ra; do đó sĩ số học sinh các lớp của khối trung học cơ sở còn ít, thấp hơn so với quy định, phần nào ảnh hưởng đến tổ chức các hoạt động giáo dục của lớp học. Số liệu cụ thể như sau:

Số liệu	**Năm học 2018-2019**	**Năm học 2019-2020**	**Năm học 2020-2021**	**Năm học 2021-2022**	**Năm học 2022-2023**

Tổng số học sinh	560	573	646	601	701
Số lớp	22	22	24	22	23
Bình quân số học sinh/lớp	26	27	27	28	30

[H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Trong 05 năm qua, số lớp học của trường đạt từ 22 đến 24 lớp. Hằng năm, khối lớp ở cấp Tiểu học và trung học cơ sở còn ít (mỗi khối cơ bản chỉ có 01 lớp); sĩ số học sinh chia bình quân trên 01 lớp từ 26 đến 30 học sinh, còn thấp hơn so với quy định.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường biên chế đủ bốn khối lớp từ khối 1 tới khối 5 của cấp tiểu học; từ khối 6 đến khối 9 của cấp trung học cơ sở và từ khối 10 đến khối 12 của cấp trung học phổ thông. Cơ cấu tổ chức lớp và ban cán sự lớp theo quy định của Luật Giáo dục và Điều lệ trường trung học và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và tổ chức các hoạt động của học sinh. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, có định hướng của nhà trường và sự đồng thuận của cha mẹ học sinh, phù hợp với hoạt động giáo dục. Số lớp học của trường hàng năm không quá 30 lớp; sĩ số học sinh trong lớp không quá 35 em.

3. Điểm yếu:

Tuyển sinh đầu cấp của khối lớp 6 còn gặp khó khăn, thấp hơn so với chỉ tiêu đã đề ra; do đó sĩ số học sinh các lớp của khối trung học cơ sở còn ít, thấp hơn so với quy định, phần nào ảnh hưởng đến tổ chức các hoạt động giáo dục của lớp học.

Còn có học sinh thực hiện ý thức tự quản và chấp hành nội quy, kỷ luật chưa cao nên ảnh hưởng đến tình hình ổn định nề nếp, kỷ luật của lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, Hội đồng tuyển sinh tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tuyển sinh để duy trì, đảm bảo tăng số lớp, số lượng học sinh của lớp trung học cơ sở theo quy định, đáp ứng mục tiêu, chiến lược phát triển giáo dục nhà trường hằng năm.

Phân công giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy bộ môn giáo dục kinh tế và pháp luật; giáo viên dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Trợ lý Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Quản lý học sinh quan tâm giáo dục học sinh về ý thức chấp hành tốt nội quy, kỷ luật học đường, ý thức tự quản cho học sinh trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, tiết học trải nghiệm, sinh hoạt lớp...

Nâng cao chất lượng dạy học và quan tâm giáo dục học sinh, nhằm duy trì ổn định và phát triển trường lớp, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ khoa học theoquy định của Luật Lưu trữ. Nhà trường có đủ hồ sơ sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 21, Chương III của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 06 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm:

- Đối với nhà trường: Sổ đăng bộ; sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến; sổ gọi tên và ghi điểm; sổ ghi đầu bài; học bạ học sinh; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ; sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của hội đồng trường; hồ sơ thi đua khen thưởng; hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên; hồ sơ kỷ luật; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; sổ quản lý tài chính; hồ sơ quản lý thư viện; sổ theo dõi sức khoẻ học sinh. Hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT về Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục [H1-1.6-01].

- Đối với tổ chuyên môn: Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn; sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn [H1-1.6-02].

- Đối với giáo viên: Kế hoạch giáo dục của giáo viên (theo năm học); Kế hoạch bài dạy (giáo án); Sổ theo dõi và đánh giá học sinh; Sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp). [H1-1.6-03].

Tất cả các loại hồ sơ, sổ sách, văn bản, tài liệu của nhà trường đều được phân loại, sắp xếp khoa học, có dán nhãn mác đầy đủ, rõ ràng, thuận tiện cho việc sử dụng và tra cứu.

b) Nhà trường có kế hoạch lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định. Hằng năm, trường có báo cáo quyết toán,

thống kê tài chính, tài sản và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định, có biên bản kiểm kê tài sản trong mỗi đợt kiểm tra. Thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với tình hình tài chính của nhà trường. Quy chế được bổ sung, điều chỉnh khi cần thiết, đảm bảo công khai, dân chủ theo đúng trình tự và được thông qua tại cuộc họp tổ, Hội nghị người lao động vào đầu mỗi năm học và có đánh giá kết quả thực hiện cuối năm, đảm bảo hài hòa giữa nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

c) Công tác quản lý hành chính, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Thường xuyên kiểm tra định kỳ để kịp thời sửa chữa, thay mới, duy tu, bảo trì các thiết bị dạy và học đảm bảo phù hợp với các kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.6-07].; [H1-1.6-08].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện quản lý hành chính, tài chính và tài sản thông qua hệ thống các phần mềm điện tử như sau: trang web của trường (www.cva.edu.vn), phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu, phần mềm kế toán (IMAS 12.1.4.4), phần mềm khai thuế, phần mềm khai nộp bảo hiểm xã hội...Thực hiện báo cáo trực tuyến 100% theo yêu cầu của các cấp quản lý. Hàng năm thực hiên ba công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tên Trang thông tin điện tử của nhà trường www.cva.edu.vn [H1-1.6-09].

b) Từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022 – 2023, nhà trường đã có kế hoạch quản lý, sử dụng tài chính đúng mục đích và hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục nên không có hiện tượng vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của đơn vị quản lý cấp trên [H1-1.6-07]; [H1-1 .6-08]. [H1-1.6-06].

Mức 3:

Do đặc thù trường ngoài công lập thực hiện tự chủ tài chính 100%, nguồn tài chính để duy trì hoạt động giáo dục chủ yếu từ thu học phí đóng góp của phụ huynh học sinh; vì vậy nhà trường còn gặp khó khăn khi thực hiện kế hoạch ngắn

hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh:

Hệ thống hồ sơ, sổ sách của nhà trường thực hiện theo đúng quy định và được lưu trữ cẩn thận, khoa học. Thực hiện chặt chẽ, minh bạch việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản. Trang thiết bị dạy và học thường xuyên được kiểm tra định kỳ để kịp thời sửa chữa, thay mới, duy tu, bảo trì...đảm bảo yêu cầu phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Do đặc thù các trường ngoài công lập thực hiện tự chủ kinh phí hỗ trợ cho hoạt động giáo dục bằng nguồn thu học phí từ cha mẹ học sinh nên trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng đề xuất với Hội đồng trường cùng bộ phận kế toán xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường. Tiếp tục phát huy những điểm mạnh trong công tác quản lý tài chính và sử dụng tài chính đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo về công tác chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, nhà trường lập kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học, sổ nghị quyết của nhà trường và các văn bản khác có liên quan. Việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên bám sát các hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, tình hình thực tế của đơn vị và định hướng phát triển của nhà trường. Trong từng năm học, thông qua các đợt thi đua các tổ chuyên môn, giáo viên tiến hành thực hiện chuyên đề, các tiết thao giảng để đồng nghiệp dự giờ và góp ý nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Đầu mỗi năm học, căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, trình độ đào tạo, năng lực và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân; sau khi tham khảo ý kiến đề xuất của các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường rõ ràng, hợp lý, đúng chuyên môn, định mức theo quy định, có tính ưu tiên, tính kế thừa và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi cá nhân nhằm phát huy tối đa hiệu quả công tác được phân công [H1-1.7-03].

Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường đảm bảo hiệu quả các hoạt động, thể hiện qua kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học; kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên; kết quả đánh giá

giáo viên theo chuẩn; kết quả thi đua hàng năm ghi nhận của các cơ quan cấp trên về việc nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.4-07]; [H1-1.2-08].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định, được phân công đúng theo năng lực, sở trường công tác để đảm bảo hiệu quả công việc, được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng quy định của nhà trường và của ngành Giáo dục [H1-1.7-04]; [H1-1.7-02].

Mức 2:

Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch phân công giáo viên tham gia các đợt bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Ngoài ra, Hiệu trưởng cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý, chuyên môn như lớp Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông tại trường Cán bộ quản lí Thành phố Hồ Chí Minh; lớp bồi dưỡng tích hợp liên môn của chương trình Giao1 dục phổ thông 2018; lớp học sơ cấp, trung cấp chính trị... nhằm nâng cao trình độ chính trị, năng lực quản lí, chuyên môn trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, phù hợp với nội dung đổi mới chương trình giáo dục phổ thông [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

Thực hiện phân công nhiệm vụ đúng năng lực chuyên môn, đúng sở trường của từng giáo viên để họ phát huy hết khả năng, thế mạnh của mình nhằm thực hiện hiệu quả công việc được giao. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn thường xuyên kiểm tra và rút kinh nghiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ phân công theo định kỳ. Chính vì vậy, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đem hết nhiệt tình, tâm huyết của mình cho công việc, luôn đoàn kết giúp đỡ nhau cùng xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong từng năm học dựa trên cơ sở và tình hình thực tế của nhà trường.

Hiệu trưởng thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Các thành viên trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu:

Năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên và nhân viên chưa đồng đều nên đã ảnh hưởng phần nào đến chất lượng, hiệu quả công việc đảm trách.

Số giáo viên thuộc diện hợp đồng thỉnh giảng còn nhiều, vì vậy kế hoạch dạy học hàng tuần, hàng tháng phải điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2023 – 2024 và các năm học tiếp theo nhà trưởng tiếp tục sắp xếp, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục của Ngành. Thực hiện phân công, phân nhiệm phù hợp với năng lực chuyên môn và yêu cầu của vị trí công tác để giáo viên phát huy hết khả năng, đóng góp hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Đảm bảo mọi quyền lợi hợp pháp về vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; tạo mọi điều kiện thuận lợi để giáo viên phát huy hết năng lực của bản thân nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, phấn đấu đạt được kết quả cao hơn nữa trong công tác quản lí, hoạt động dạy – học, giáo dục, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, lãnh đạo nhà trường căn cứ hướng dẫn thực hiện kế hoạch năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ kết quả năm học trước và tình hình thực tế ở địa phương, điều kiện của nhà trường để xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học đảm bảo tính khoa học, khả thi, phù hợp với quy định hiện hành, được Hội đồng trường phê duyệt và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường; căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế ở tổ để xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể của tổ được lãnh đạo nhà trường phê duyệt. Từng cá nhân căn cứ kế hoạch của nhà trường, của tổ và nhiệm vụ được phân công để xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể của mình, kế hoạch cá nhân được tổ trưởng xác nhận và Ban lãnh đạo nhà trường phê duyệt. Kế hoạch năm học của nhà trường được phổ biến công khai, trao đổi, thảo luận tại Hội nghị Người lao động đầu năm học và trong cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường để trao đổi, bổ sung những giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục năm học [H1-1.7-01]; [H1-1.4-04]; [H1-1.8-01].

b) Nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục đầy đủ tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, phổ biến công khai và triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tiến độ từng tuần, từng tháng, từng học kỳ và cả năm học. Từng cán bộ, giáo viên, nhân

viên tự giác, nghiêm túc, trung thực trong việc thực hiện kế hoạch đã xây dựng. Hàng tháng nhà trường thực hiện kiểm tra và ký duyệt hồ sơ, kiểm tra định kỳ về quy chế kiểm tra, đánh giá điểm nhằm đảm bảo tiến độ nhập điểm của các môn học. Qua đó nắm rõ việc thực hiện của từng giáo viên trong nhà trường để có những điều chỉnh kịp thời nhằm thực hiện tốt nhất kế hoạch giáo dục mà nhà trường đã xây dựng [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.4-05].

c) Kế hoạch giáo dục của trường được rà soát, đánh giá đạt hiệu quả qua các đợt kiểm tra, họp tổ chuyên môn, họp Hội đồng sư phạm sơ kết, tổng kết và được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của nhà trường và chỉ đạo của Ngành Giáo dục [H1-1.2-08].

Mức 2:

Hằng năm Hiệu trưởng, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ cụ thể và báo cáo về Phòng Thanh tra của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc đúng tiến độ kế hoạch kiểm tra nội bộ đã xây dựng, có đầy đủ hồ sơ, biên bản kiểm tra đánh giá kết quả cụ thể. Nhà trường xây dựng các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá đối với các hoạt động giáo dục phù hợp với tình hình thực tế từng năm học, được các phòng chức năng của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá đạt yêu cầu [H1-1.8-04]; [H1-1.3-10].

Nhà trường xây dựng kế hoạch, chỉ đạo và quản lý công tác bồi dưỡng văn hóa qua hình thức phụ đạo cho đối tượng học sinh yếu, kém và luyện thi cho khối 12 hằng năm đạt được nhiều kết quả tốt, chất lượng các bộ môn văn hóa đạt từ trung bình trở lên được nâng lên rõ nét [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh:

Thực hiện sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch giáo dục, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường, phù hợp với quy định; đồng thời phổ biến công khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc các kế hoạch đã xây dựng; trong quá trình thực hiện có kiểm tra, rà soát, đánh giá ưu điểm, tồn tại và tiến độ thực hiện để từ đó đưa ra hướng điều chỉnh, khắc phục kịp thời.

3. Điểm yếu:

Kế hoạch dạy học của một số tổ chuyên môn và giáo viên trình bày còn thiếu khoa học. Việc thực hiện hồ sơ, biên bản kiểm tra đánh giá của một số bộ phận còn chậm so với kế hoạch đã đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng, tổ chức thực hiện, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch gắn với đặc thù địa phương và nhà trường để phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động giáo dục.

Lãnh đạo nhà trường tiếp tục hướng dẫn và yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên cách xây dựng và trình bày kế hoạch giáo dục đảm bảo khoa học, phù hợp và có tính khả thi.

Tổ chức các hoạt động giáo dục theo kế hoạch, xây dựng môi trường học tập tích cực, làm thay đổi ý thức, thái độ học tập, làm chuyển biến về tư tưởng, nhận thức và định hướng học tập cho học sinh; qua đó nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường đạt yêu cầu của kế hoạch đã đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong các năm học qua, nhà trường đã thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đầu mỗi năm học, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường từ Hội nghị trù bị cấp tổ, đến việc thống nhất ký kết tại Hội nghị người lao động của trường. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ được xác định cụ thể đảm bảo tính kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của nhà trường và quyền làm chủ của mỗi cá nhân [H1-1.9-01]; [H1-1.7-04].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành một số văn bản sau khi tổ chức thảo luận, tổng hợp ý kiến đóng góp của tập thể và chỉnh sửa như: Nghị quyết Hội nghị người lao động; Quy chế dân chủ; Quy chế công khai; Quy chế đối thoại định kỳ; Quy chế phối hợp công tác giữa chính quyền và Ban chấp hành Công đoàn cơ sở; Thỏa ước lao động tập thể.

b) Các khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên và nhân viên, cha mẹ học sinh hằng năm đều được giải quyết kịp thời, đầy đủ, đúng quy định bằng hình thức trả lời, giải đáp trực tiếp hoặc thông qua các báo cáo định kỳ hội họp, hội nghị, không để tình trang khiếu nại vượt cấp [H1-1.9-02].

c) Hằng năm có báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, giúp Chi bộ, Nhà trường, Công đoàn cơ sở có căn cứ để kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

Mức 2:

Các kế hoạch giáo dục, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường đều được công khai trong các hội nghị, các cuộc họp, công khai bằng biểu bảng tại phòng giáo viên, đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường nên rất thuận tiện cho các thành viên trong nhà trường tiếp cận và giám sát

việc thực hiện quy chế dân chủ. Đồng thời Hội đồng trường có Ban kiểm soát, nhà trường có Ban kiểm tra nội bộ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của nhà trường theo quy định. Chính vì vậy việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường luôn đảm bảo công khai, minh bạch và phát huy hiệu quả [H1-1.9-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và các tổ chức chính trị thực hiện tốt công tác dân chủ ở cơ sở, mọi hoạt động của nhà trường đều đảm bảo công khai, minh bạch, rõ ràng; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường đều được biết, được bàn, được kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kế hoạch, quy chế nên họ tin tưởng, đồng thuận ủng hộ mọi hoạt động giáo dục của nhà trường. Trong nhiều năm qua nhà trường không có hiện tượng đơn, thư tố cáo, không có hiện tượng giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm pháp luật. Nhà trường đã xây dựng được một tập thể sư phạm thực sự lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ, đạt được nhiều thành tích nổi bật, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường hàng năm.

3. Điểm yếu:

Vẫn còn có giáo viên chưa tích cực tham gia đóng góp ý kiến đối với các hoạt động giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường. Chưa mạnh dạn trong thực hiện dân chủ, đối thoại tại nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2023 – 2024 và các năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế và thực hiện kiểm tra, giám sát đúng quy định, tạo điều kiện và khuyến khích để giáo viên tham gia đóng góp ý kiến kế hoạch, quy chế liên quan đến các hoạt động giáo dục của nhà trường. Phát huy hơn nữa ý thức trách nhiệm của cá nhân đối với tập thể, tinh thần phê bình và tự phê bình.

Thực hiện kế hoạch đối thoại định kỳ, lắng nghe ý kiến, tâm tư và nguyện vọng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh để nắm bắt thông tin, giải quyết

kịp thời. Các bộ phận liên quan như cấp ủy Chi bộ và lãnh đạo trường thực hiện tốt quy trình giám sát việc thực hiện dân chủ tại cơ sở.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có lập phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực học đường thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.10-01].

Với việc đảm bảo an ninh, trật tự, nhà trường có hệ thống tường rào kiên cố bao quanh toàn bộ khuôn viên trường; bố trí các bóng điện thắp sáng tại những vị trí trọng yếu. Có 02 nhân viên bảo vệ đảm bảo luân phiên có 02 người trực 24/24 giờ. Nhà trường đã xây dựng, ban hành nội quy bảo vệ cơ quan; có Quy chế phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường, giữa nhà trường với công an phường, công an quận trong việc đảm bảo, giữ gìn, xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự. Tổ chức cho học sinh và nhà trường ký cam kết với công an quận Bình Tân về việc thực hiện tốt các quy định về An toàn giao thông [H1-1.10-02].

Với việc đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích: Nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với công an quận Bình Tân để tổ chức hoạt động tuyên truyền về an toàn giao thông. Nhà trường cũng thường xuyên quan tâm rà soát, sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị, cơ sở vật chất dạy học môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh, sân chơi, bãi tập, dụng cụ dạy, học...đảm bảo an toàn cao khi sử dụng. Nhà trường có nhân viên chuyên trách về công tác y tế, với tủ thuốc y tế thường xuyên cập nhật, trang bị các cơ số thuốc, dụng cụ y tế dùng để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh. Đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho học sinh đầu cấp, có hệ thống sổ sách theo dõi sức khỏe học sinh trong cả khóa học [H1-1.10-03].

Với nội dung an toàn phòng, chống cháy nổ: Nhà trường phối hợp với Phòng cảnh sát chữa cháy công an quận Bình Tân thực hiện công tác kiểm tra định kỳ về công tác phòng cháy, chữa cháy; ban hành nội quy, phương án phòng cháy, chữa cháy; trang bị đầy đủ các bình chữa cháy, hệ thống bể nước, trụ cứu hỏa, tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về an toàn phòng cháy, chữa cháy khi gặp các sự cố hỏa hoạn xảy ra [H1-1.10-04].

Nhà trường có 02 bếp ăn tập thể dành cho đối tượng học sinh bán trú, nội trú. Bếp ăn được kiểm tra thường xuyên theo quy định và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-05].

Ngoài ra, nhà trường thường xuyên quan tâm và có các giải pháp đối với công tác phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn bạo lực học đường nên trong các năm qua tình hình an ninh, trật tự, an toàn, môi trường cảnh quan nhà trường được đảm bảo, đạt tiêu chuẩn về "An toàn an ninh, trật tự", góp phần giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao [H1-1.10-06].

b) Nhà trường có hình thức tiếp nhận các thông tin góp ý, phản ánh thông qua hộp thư và qua điện thoại đường dây nóng số 0918415558 và các hình thức khác như thông qua phiếu góp ý, qua đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ đoàn trường, qua Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, đại diện cha mẹ học sinh các lớp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, góp phần đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-07].

c) Nhà trường không để xảy ra hiện tượng kỳ thị, các hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường, chủ động xây dựng các chuyên đề để thực hiện tuyên truyền, giáo dục học sinh thông qua các nội dung tích hợp, lồng ghép vào một số môn học và các hoạt động giáo dục [H1-1.10-08].

Mức 2:

a) Nhà trường phối hợp với các bộ phận liên quan phổ biến, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội, an toàn giao thông và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo cho nhân viên y tế thường xuyên kiểm tra nguồn nước, nguồn nhập thức ăn của căn tin, bếp ăn; xây dựng phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm trong nhà trường. Nhà trường được cấp giấy chứng nhận về An toàn trường học [H1-1.10-09]; [H1-1.10-10].

b) Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên, bộ phận quản lý học sinh thường xuyên giám sát, kiểm tra, thu thập, xử lý các thông tin và đề xuất với lãnh đạo trường có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường; phối hợp với chính quyền địa phương, công an khu vực phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân trong việc đảm bảo an ninh trật tự. Tuy nhiên do vị trí nhà trường tọa lạc trên tuyến đường nhỏ nên có lúc còn gây ùn tắc giao thông trong giờ đến trường và giờ tan trường [H1-1.10-11].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường quan tâm và có các biện pháp, phương án phối hợp chặt chẽ đảm đảm bảo tốt về an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường. Công tác an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh, cảnh quan nhà trường được đảm bảo tốt, tạo được môi trường học tập an toàn, thân thiện được cha mẹ học sinh yên tâm và tin tưởng.

3. Điểm yếu:

Tình trạng ùn tắc lưu thông phía trước cổng trường vào giờ tan trường buổi chiều vẫn còn xảy ra.

Trong nhà trường vẫn còn có học sinh vi phạm nội quy kỷ luật, dễ bị kích động, thiếu kiềm chế, dễ bị lôi kéo dẫn đến xảy ra xô xát nhỏ trong học sinh và đều được nhà trường ngăn chặn, giải quyết xử lý kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, vào đầu mỗi năm học, hiệu trưởng có văn bản ký kết phối, kết hợp giữa nhà trường và chính quyền địa phương, lực lượng công an phường, bảo vệ khu phố về việc tăng cường giáo dục học sinh, điều tiết số lượng học sinh di chuyển giờ ra về và tuyên truyền đến phụ huynh về vấn đề chống ùn tắc giao thông trước cổng trường.

Tiếp tục nâng cao chất lượng tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực

phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội, phòng chống kỳ thị về giới và bạo lực trong đội ngũ cán bộ - giáo viên, nhân viên và học sinh.

Tăng cường giáo dục học sinh thực hiện nghiêm túc về nề nếp, nội quy kỷ luật học đường, có ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật đã ban hành.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức, bộ máy phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo); Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục (Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011; Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Việc thành lập các tổ chức này đều đúng thủ tục quy định. Hệ thống chính trị, hành chính, chuyên môn nghiệp vụ, đều được quản lý điều hành, hoạch định theo đúng chức năng nhiệm vụ, có nề nếp và đạt hiệu quả cao.

Nhà trường đã triển khai đầy đủ các hoạt động theo quy định, lập kế hoạch cụ thể, khoa học, bám sát chỉ đạo của các cấp quản lý, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có chất lượng, theo dõi chi tiết, có đánh giá xếp loại và điều chỉnh hợp lý. Hiệu trưởng làm việc theo đúng nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nêu cao trách nhiệm người đứng đầu. Chỉ đạo điều hành của ban lãnh đạo trường luôn bao quát mọi hoạt động giáo dục, bảo đảm thực hiện tốt chương trình, kế hoạch giáo dục đã được phê duyệt. Xây dựng đội ngũ đủ về số lượng, cơ cấu và có chất lượng, coi trọng công tác quản lý hướng vào nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường là dạy tốt, học tốt. Công tác thông tin đảm bảo kịp thời, chính xác. Công tác an

ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo tốt, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục được giao.

Hồ sơ sổ sách chuyên môn nghiệp vụ đầy đủ, lưu trữ tốt. Công tác nhân sự được thực hiện đúng quy định và phát huy hiệu quả.

Tổng hợp tiêu chuẩn 1:

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 10/10

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 10/10

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 01/10

Kết luận: Tiêu chuẩn 1 đạt mức 2

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An có đội ngũ cán bộ quản lí đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, tác phong mẫu mực; chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực quản lí, được bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ quản lí giáo dục; hằng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm.

Đội ngũ giáo viên nhà trường có đủ số lượng cơ cấu cho tất cả các môn học, đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, được phân công theo đúng chuyên môn đào tạo. Thực hiện tốt chương trình, kế hoạch giáo dục; có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh, quản lý tốt học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức, tham gia tích cực các hoạt động của tổ chuyên môn.

Nhà trường có đủ đội ngũ nhân viên đảm bảo ở các vị trí việc làm. Nhân viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Học sinh của trường ở trong độ tuổi đúng quy định của Điều lệ trường phổ thông, được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ

học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường và thực hiện đúng các quy định về hành vi học sinh không được làm. Các em luôn tích cực thi đua, nỗ lực cố gắng để đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng của nhà trường đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3, Điều 11 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Cụ thể: Hiệu trưởng đến thời điểm hiện tại có thời gian đảm nhận chức vụ hiệu trưởng nhà trường trên 04 năm; có trình độ đào tạo sau đại học với bằng Thạc sĩ Quản lý giáo dục và đã dạy bộ môn Ngữ văn ở cấp trung học phổ thông

liên tục từ tháng 09 năm 1984 đến tháng 08 năm 2017. Nhà trường có một phó hiệu trưởng đến thời điểm hiện tại có thời gian đảm nhận chức vụ là 06 năm; có trình độ đào tạo Đại học sư phạm Toán, có bằng Thạc sĩ về phương pháp giảng dạy Toán và đã giảng dạy môn Toán ở cấp Trung học phổ thông liên tục từ năm 1985 [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được tập thể cán bộ, giáo viên và công nhân viên tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; về sự tâm huyết và tinh thần trách nhiệm; về năng lực chuyên môn, năng lực quản lý nhà trường. Hằng năm được Hội đồng sư phạm và lãnh đạo đánh giá tốt theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều có chứng chỉ về nghiệp vụ quản lí giáo dục đúng quy định; được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục thông qua các buổi tập huấn, hội nghị của các các cấp quản lí giáo dục tổ chức và được cấp chứng chỉ, chứng nhận [H1-2.1-03].

Mức 2:

a) Từ năm học 2018 – 2019 đến nay, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được Hội đồng sư phạm và lãnh đạo đánh giá ở mức tốt theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng tại Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 20/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham gia bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định. Hằng năm, nhà trường lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của nhà trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng luôn đạt tỷ lệ tín nhiệm cao [H2-2.1-04]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng có nhiều năm công tác liên tục tại trường nhưng việc đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng thực hiện còn gián đoạn.

2. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ quản lí giáo dục, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lí, lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Được sự tín nhiệm của tập thể sư phạm nhà trường.

3. Điểm yếu:

Việc đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của trưởng thực hiện còn gián đoạn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường thực hiện đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng vào cuối mỗi năm học theo hướng dẫn của Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tiếp tục tham dự bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn của ngành Giáo dục và tự nghiên cứu, học tập nhằm nâng cao năng lực quản lí; sáng tạo, đổi mới trong công việc để hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, tạo được uy tín trong hội đồng sư phạm, cha mẹ học sinh và học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên trực tiếp giảng dạy của nhà trường ở năm học 2022 – 2023 gồm 53 người, trong đó có 21 giáo viên cơ hữu, đủ số lượng, cơ cấu theo quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục (Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 03 năm 2011; Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2021) của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đội ngũ giáo viên có năng lực, nhiệt tình, tâm huyết. Giáo viên

được phân công giảng dạy theo đúng chuyên ngành đào tạo, đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019 có hiệu lực thi hành, 100% giáo viên của trường có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định; trong đó có 07 giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ chiếm tỉ lệ 17,07% [H2-2.2-03].

c) Hằng năm, 100% giáo viên nhà trường được đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng năm học 2020 – 2021 không đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn (Công văn số 2440/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 11 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tạm dừng đánh giá, xếp loại giáo viên cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông năm học 2020 – 2021 theo Chuẩn) [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022 – 2023, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo luôn được duy trì ổn định (7 giáo viên) và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-03].

b) Năm học 2019 – 2020, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên; trong đó có 45% giáo viên đạt mức khá; 55% giáo viên ở mức tốt. Tuy nhiên công tác đánh giá giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp hằng năm của nhà trường chưa duy trì liên tục, thực hiện còn gián đoạn. [H1-1.4-07].

c) Theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, hàng năm nhà trường đều tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh. Nhà trường định hướng phân luồng cho học sinh trong việc lựa chọn ngành nghề, phối hợp với một số trường đại học, cao đẳng tổ chức các buổi sinh hoạt hướng nghiệp cho học sinh vào tiết sinh hoạt dưới cờ; giáo viên chủ nhiệm lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào các tiết sinh hoạt lớp, các tiết giảng dạy kĩ năng sống cho học sinh [H1-2.2-04].

Trong 05 năm qua, đội ngũ thầy cô giáo luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Giáo viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến 100% hằng năm, không có giáo viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Hắng năm công tác đánh giá giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp của nhà trường chưa duy trì thường niên, thực hiện còn gián đoạn.

b) Hằng năm nhà trường chỉ có giáo viên tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm đăng ký đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở theo tỉ lệ là 10% trên tổng số giáo viên; tuy nhiên, nhà trường chưa có giáo viên có đề tài báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học cấp Thành phố.

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ giáo viên nhà trường 100% đạt chuẩn đào tạo; đảm bảo đủ cơ cấu, số lượng; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá, tốt cao. Giáo viên tích cực tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực đổi mới phương pháp dạy học, có khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và không có giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu:

Công tác đánh giá giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp hằng năm của nhà trường chưa duy trì liên tục, thực hiện còn gián đoạn.

Hằng năm nhà trường chưa có giáo viên có đề tài báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học cấp Thành phố.

Hiện tại nhà trường có tỷ lệ giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn vẫn còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và các năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường duy trì việc đánh giá xếp loại giáo viên hằng năm đúng theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hằng năm Ban Lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch và có chế độ đãi ngộ đãi ngộ để động viên, khuyến khích giáo viên đăng ký tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học cấp Thành phố.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên; động viên, quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên học cao học nâng cao tỷ lệ đào tạo trên chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có đội ngũ nhân viên đảm nhiệm các vị trí việc làm đúng chuyên môn, nghiệp vụ. Phụ trách công tác thiết bị thực hành, thí nghiệm; thư viện trường học do giáo viên kiêm nhiệm và thực hiện tốt các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công. Nhân viên của trường nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ, hoàn thành tốt các công việc được giao; luôn tìm tòi, học hỏi nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; đoàn kết, thực hiện tốt tinh thần phê bình và tự phê bình để giúp nhau tiến bộ về mọi mặt [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm phụ trách các bộ phận trong nhà trường được Hiệu trưởng phân công công việc phù hợp với năng lực, bằng cấp, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của từng vị trí việc làm [H2-2.3-01].

c) Tất cả nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ thể hiện ở kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên, hồ sơ thi đua khen thưởng và các báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm [H2-2.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có các nhân viên như: Văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế học đường, giáo vụ, học vụ, quản trị cơ sở dữ liệu, phục vụ và bảo vệ đúng theo Quy định của Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học**,** ban hành kèm theo Thông tư số 13/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 04 năm 2012; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục; Kế hoạch giáo dục hàng năm của nhà trường và các quy định hiện hành khác. Đội ngũ nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm đạt trình độ từ trung cấp đến đại học, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ được giao [H2-2.3-02]; [H2-2.3-01].

b) Từ năm học 2018 – 2019 đến nay nhà trường không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-03].

Mức 3:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên làm việc đầy đủ theo quy định; tuy nhiên còn có nhân viên chưa được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nên việc đáp ứng vị trí việc làm còn hạn chế.

b) Giáo viên phân công phụ trách kiêm nhiệm công tác phòng thực hành thí nghiêm, thư viện chưa được tập huấn, bồi dưỡng hằng năm về nghiệp vụ chuyên môn theo quy định từng vị trí việc làm.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định. Đa số nhân viên có trình độ đào tạo đúng chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu công việc, không vi phạm kỷ luật, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Nhân viên tổ văn phòng được đảm bảo các quyền theo chế độ, chính sách quy định hiện hành của Hội đồng trường.

3. Điểm yếu:

Việc phân công nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm phụ trách công tác phòng thực hành thí nghiệm, thư viện chưa được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Khuyến khích nhân viên giáo viên phụ trách công tác kiêm nhiệm tích cực tự bồi dưỡng, cập nhật thông tin kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo Hiệu trưởng tham mưu đề xuất Hội đồng trường cử nhân viên, giáo viên phụ trách phòng thực hành thí nghiệm; thư viện tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cựcđến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường đảm bảo thực hiện tuyển sinh lớp 1, lớp 6 và lớp 10 theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm và được phê duyệt của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Việc tuyển sinh vào các lớp đầu cấp (lớp 1, lớp 6 và lớp 10) hằng năm đều có độ tuổi đảm bảo đúng quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường tiểu học và Điều 33 của Điều lệ trường trung học, thể hiện trong danh sách học sinh được xét tuyển hàng năm và sổ đăng bộ học sinh. Không có trường hợp học sinh đi học trước tuổi hoặc lưu ban quá 02 lần trong một cấp học tại trường [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Học sinh thực hiện các nhiệm vụ của học sinh theo quy định của Điều 34 của Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thể hiện qua nội quy nhà trường, sổ chủ nhiệm và báo cáo sơ kết, tổng kết năm học hằng năm. Tuy nhiên, quá trình học tập, rèn luyện vẫn còn có học sinh chưa thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh theo quy định, còn vi phạm nội quy kỷ luật

học đường và vi phạm những điều học sinh không được làm. [H1-1.5-03]; [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02].

c) Trong quá trình học tập và rèn luyện, học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 35 của Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.4-01].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp tuyên truyền, phổ biến tới toàn thể học sinh ngay từ đầu khóa học, đầu mỗi năm học các nội quy, quy định của nhà trường về nền nếp, kỷ cương, trật tự trường học thể hiện qua bản nội quy học sinh, phòng học bộ môn, các pa nô khẩu hiệu tuyên truyền ở cổng trường, sân trường; tuyên truyền, tư vấn quy tắc ứng xử của học sinh; định hướng về trang phục, đầu tóc, hình ảnh và nêu các quy định học sinh phải thực hiện tốt, những việc học sinh không được làm. Nhà trường chỉ đạo làm tốt công tác chủ nhiệm lớp, công tác phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với giáo viên bộ môn, với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, với các đoàn thể trong nhà trường, với cha mẹ học sinh về hoạt động tự quản của học sinh các lớp; vì vậy nhà trường luôn nắm bắt được tâm lý lứa tuổi và các sự vụ ngay từ ban đầu để có các biện pháp ngăn ngừa phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống có nguy cơ bạo lực hoặc vi phạm pháp luật của học sinh. Trong nhiều năm trở lại đây nhà trường không kỷ luật học sinh nào từ mức cảnh cáo ghi học bạ trở lên. [H1-1.5-03]; [H2-2.4-02].

Nhà trường chú trọng quan tâm trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục nề nếp, nội quy kỷ luật cho học sinh trong học tập, rèn luyện. Các hành vi vi phạm những điều không được làm của học sinh được phát hiện kịp thời, nhà trường áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và học sinh có nhiều chuyển biến tích cực [H2-2.4-03].

Mức 3:

Trong công tác giáo dục học sinh, nhà trường luôn quan tâm và lan tỏa những việc làm tốt. Những học sinh có thành tích cao trong học tập và rèn luyện đều được tuyên dương và khen thưởng kịp thời. Tuy nhiên học sinh đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện qua các kỳ thi cấp Thành phố còn ít.

2. Điểm mạnh:

Học sinh của trường đi học đúng độ tuổi và được đảm bảo các quyền theo qui định.

Học sinh của trường thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Biết kính trọng, lễ phép đối với cha mẹ, cán bộ, thầy giáo, cô giáo, nhân viên của trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện. Thực hiện tốt các quy định về các hành vi học sinh không được làm và có kỹ năng phòng tránh các tệ nạn xã hội.

3. Điểm yếu:

Vẫn còn có học sinh chưa thực hiện tốt nội quy, nhiệm vụ học tập, rèn luyện; còn vi phạm những điều học sinh không được làm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường và giáo viên chủ nhiệm lớp phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh tăng cường quản lý, giáo dục đối với học sinh chưa ngoan, chưa chăm để thay đổi ý thức chấp hành tốt nội quy, thái độ học tập tích cực; quan tâm, chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhưng biết nỗ lực vươn lên trong học tập, rèn luyện trở thành một học sinh tốt.

Tiếp tục tuyên truyền giáo dục thường xuyên để học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo quy định. Có biện pháp giáo dục, ngăn chặn kịp thời học sinh vi phạm những hành vi không được làm; xử lý nghiêm khắc với các trường hợp vi phạm nhiều lần. Tuyên dương kịp thời các học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, rèn luyện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Lãnh đạo trường có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý, lãnh đạo nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập thể giáo viên có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, lập trường tư tưởng

chính trị vững vàng, yêu nghề, nhiệt tình, quan tâm đến học sinh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhân viên của trường nhiệt tình và có trách nhiệm, hoàn thành tốt các công việc được giao; luôn tìm tòi, học hỏi nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Học sinh của trường đảm bảo đúng độ tuổi quy định; thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Biết kính trọng, lễ phép đối với cha mẹ, cán bộ, thầy giáo, cô giáo, nhân viên của trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện.

Nội bộ nhà trường có ý thức đoàn kết nhất trí, chung sức, đồng lòng cùng xây dựng nhà trường ổn định và phát triển.

Tổng hợp Tiêu chuẩn 2:

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 4/4

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 4/4

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 0/4

Kết luận: Tiêu chuẩn 2 đạt Mức 2

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An có cơ sở vật chất khá khang trang phục vụ tốt cho công tác dạy học và giáo dục. Nhà trường có 05 phòng học bộ môn (01 phòng thực hành Vật lý – Công nghệ, 01 phòng thực hành Hóa – Sinh, 01 phòng Âm nhạc; 01 phòng Mỹ thuật; 01 phòng thực hành Tin học), 27 phòng học kiên cố, có đầy đủ các phòng chức năng: Thư viện, Y tế học đường, các phòng làm việc của Chủ tịch Hội đồng trường; Lãnh đạo trường và bộ phận hành chính, quản trị; khu nội trú, bán trú cho học sinh nam, học sinh nữ bố trí riêng biệt; khu bếp ăn và nhà ăn tập thể phục vụ học sinh.

Cảnh quan sư phạm "Xanh – Sạch – Đẹp" đảm bảo phục vụ công tác dạy học và giáo dục. Có đủ khu nhà để xe cho giáo viên và học sinh, khu vệ sinh cho giáo

viên và học sinh đúng quy định. Hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo an toàn, đạt tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường.

Thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ giáo viên và học sinh. Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho các tiết dạy học thực hành, thí nghiệm của giáo viên và học sinh.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục;

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An được thành lập năm 2009 theo Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2009; Quyết định số 3046/QĐ-UBND ngày 11 tháng 07 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 4.574 m^2. Nhà trường luôn quan tâm xây dựng cảnh quan trường lớp đảm bảo xanh – sạch – đẹp. Sân trường

có cây xanh tán rợp tỏa bóng rộng thoáng mát; có hệ thống cây cảnh tạo điểm nhấn hài hòa cho khu vực sân trường. Nhân viên phục vụ thường xuyên lao động chăm sóc để giữ khuôn viên trường sạch đẹp, an toàn và thân thiện, đảm bảo đủ điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng chính, biển tên trường đẹp, rõ ràng đúng Điều lệ trường trung học. Xung quanh trường có tường rào bảo vệ, xây kiên cố bao quanh toàn bộ khu vực trường, có bảo vệ trực 24/24 giờ, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.1-02].

c) Khu sân chơi gắn với sân tập thể dục thể thao với diện tích 1000m^2, được đúc bê tông đá xi măng chắc chắn, chống trơn trượt; có tương đối đầy đủ thiết bị tối thiểu về giáo dục thể chất như: đồng hồ bấm giây, còi thể dục thể thao, thước dây, quả cầu đá, lưới cầu đá, lưới bóng chuyền, bóng chuyền; trụ bóng rổ, bàn bóng bàn...có hệ thống ánh sáng, được quy hoạch và bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục khác cho học sinh [H3-3.1-03].

Mức 2:

Khu sân chơi còn sử dụng chung cùng với bãi tập nên chưa đáp ứng tốt yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh.

Mức 3:

Trường được xây dựng từ năm 2009, nằm trong khu vực nội thành, có diện tích rộng 4,574 m^2, bình quân 6.52 m^2/học sinh, đạt chuẩn theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập còn hẹp so với chuẩn quy định là 25% tổng diện tích sử dụng của trường (diện tích sân chơi, bãi tập của trường là 1000 m^2, bằng 21.9% tổng diện tích sử dụng của trường).

2. Điểm mạnh:

Khuôn viên nhà trường thoáng mát, có sân chơi, có khu hoạt động thể dục thể thao với bãi tập ngoài trời được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho hoạt động tập luyện, thi đấu của học sinh. Khuôn viên nhà trường luôn xanh – sạch – đẹp, có

cổng trường, biển trường đúng quy định. Bao quanh khu vực trường có tường rào bảo vệ kiên cố, vững chắc, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh và cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu:

Khu vực sân chơi còn chung với bãi tập và diện tích còn hẹp so với chuẩn quy định; nhà trường chưa có điều kiện phân khu vực vui chơi giải trí phù hợp cho học sinh các cấp học.

Chưa xây dựng được phòng tập đa năng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường đề xuất Hội đồng trường có kế hoạch phân chia và mở rộng khu vực sân chơi, bãi tập hợp lý phục vụ nhu cầu giải trí cho học sinh các cấp học. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư xây dựng, sửa chữa phòng tập đa năng phục vụ một số hoạt động giáo dục thể chất, đáp ứng nhu cầu họ tập, rèn luyện và giải trí cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 27 phòng học, diện tích mỗi phòng học là 56 m^2/phòng, có đủ bàn ghế học sinh theo quy chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT); mặt bàn và ghế bằng gỗ công nghiệp, màu vàng nhạt, có kích thước phù hợp với tầm vóc học sinh nhiều cấp học, được thiết kế 02 học sinh/bàn. Các phòng học có đủ bàn ghế của giáo viên, có bảng viết (bảng từ), có hệ thống cửa sổ, cửa ra vào, hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng được lắp đặt đúng quy cách, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca/ngày. Tất cả các phòng học đều được trang bị gắn máy điều hòa nhiệt độ [H1-1.6-07]; [H3-3.2-01].

b) Khối phòng học bộ môn: Có 05 phòng học bộ môn gồm: 01 phòng thực hành thí nghiệm Vật lý – Công nghệ; 01 phòng thực hành thí nghiệm Hóa – Sinh; 01 phòng Âm nhạc; 01 phòng Mỹ thuật; 01 phòng thực hành Tin học, có diện tích là 56m^2/phòng. Các phòng học bộ môn đảm bảo đủ ánh sáng, được trang bị đầy đủ về máy tính cho giáo viên và học sinh, máy chiếu, máy điều hòa. Phòng học bộ môn đảm bảo quy định theo Theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 05 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; song một số phòng thực hành thí nghiệm bộ môn của nhà trường còn ghép chung, chưa tách thành từng phòng riêng (Vật lý – Công nghệ; Hóa học – Sinh học) [H3-3.2-02].

c) Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn Thanh niên gắn với phòng truyền thống, có thư viện được đặt ở vị trí thuận lợi, với diện tích mỗi phòng là 60m^2 có

tương đối đầy đủ trang thiết bị. Tuy nhiên việc trang trí phòng hoạt động Đoàn Thanh niên và phòng truyền thống chưa đạt yêu cầu [H3-3.2-03].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định. Tuy nhiên, việc thiết kế hai dãy nhà học của trường có kết nối liên hoàn bằng những bậc thang lên xuống dẫn từ dãy nhà học B sang nhà học A nên chưa đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Khối phục vụ học tập còn thiếu phòng Thể dục thể thao đa năng. Phòng thực hành thí nghiệm Vật lý – Công nghệ và phòng Hóa học – Sinh học còn gộp chung 02 bộ môn, chưa tách thành từng phòng thực hành riêng biệt cho mỗi môn học theo chuẩn quy định. Phòng Đoàn Thanh niên và phòng truyền thống chưa được trang bị và thiết kế hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu các hoạt động giáo dục chung của nhà trường.

Mức 3:

Các trang thiết bị, hóa chất phục vụ dạy học của phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt. Một số phòng thực hành thí nghiệm chưa có kho chứa.

2. Điểm mạnh:

Khối phòng học văn hóa có đủ số phòng để tổ chức học tập 02 buổi/ngày, đảm bảo đúng quy cách, tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các khối phòng phục vụ học tập, phòng làm việc đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

Việc quản lý, sử dụng các khối phòng, các loại thiết bị văn phòng thực sự có hiệu quả và đúng theo các quy định hiện hành.

3. Điểm yếu:

Một số phòng thực hành thí nghiệm bộ môn của nhà trường còn ghép chung 02 bộ môn (Vật lý – Công nghệ; Hóa học – Sinh học), chưa tách thành từng phòng thực hành thí nghiệm riêng biệt cho mỗi môn học theo quy định.

Phòng truyền thống và phòng Đoàn trang bị chưa đạt yêu cầu.

Nhà trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt. Một số phòng thực hành thí nghiệm chưa có kho chứa thiết bị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo Hiệu trưởng đề xuất Hội đồng trường tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho phòng học bộ môn đạt chuẩn tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phục vụ việc đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bố trí thêm 01 phòng thực hành thí nghiệm bộ môn Sinh học; 01 phòng Công nghệ – Giáo dục STEM; 01 phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh đặc biệt; 01 kho chứa các thiết bị để đảm bảo đúng quy định và thuận lợi trong quản lí, hướng dẫn thực hành cho học sinh.

Thiết kế, trang trí phòng truyền thống và văn phòng Đoàn Thanh niên hoàn chỉnh nhằm phát huy hiệu quả phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ khối phòng hành chính – quản trị. Khối phòng hành chính có đủ các phòng làm việc gồm: Phòng Hiệu trưởng (diện tích 20 m^2); phòng Phó Hiệu trưởng (diện tích 20 m^2); phòng Tuyển sinh và kế toán (diện tích 30 m^2); phòng làm việc của bộ phận văn phòng (diện tích 40m^2); phòng Y tế học đường (diện tích 25 m^2); phòng Giáo viên (diện tích 30 m^2); phòng Quản lý học sinh và Tư vấn học đường (24 m^2); phòng Bảo vệ (diện tích 10 m^2); Khu vực vệ sinh riêng biệt đảm bảo thiết kế theo quy định của Điều lệ trường trung học (mỗi phòng có diện tích từ 20 m^2 đến 30 m^2). Khối phòng hành chính – quản trị có đủ bàn ghế và các trang thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học, hỗ trợ có hiệu quả các hoạt động của nhà trường trong công tác quản lý và phục vụ dạy học theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu tối thiểu của hoạt động hành chính, quản trị trong nhà trường [H3-3.3-01].

b) Nhà trường có 01 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên với diện tích 90m^2 và 01 khu nhà để xe cho học sinh với diện tích 300m^2. Hai khu vực nhà để xe đều có mái che được bố trí hợp lý, đặt ở vị trí thuận lợi đảm bảo an toàn, trật tự khi đến trường và lúc ra về [H3-3.3-02].

c) Định kỳ nhà trường thực hiện kiểm tra, rà soát các thiết bị đã hư hỏng để sửa chữa, nâng cấp; đồng thời đề xuất mua sắm bổ sung, sửa chữa các thiết bị phục vụ cho hoạt động của khối hành chính – quản trị [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khối phòng hành chính – quản trị có đủ phòng làm việc theo quy định gồm: Một khu nhà cấp 4 từ cổng trường vào phía bên phải là khu Hiệu bộ gồm: 01 phòng làm việc dành cho bộ phận Văn phòng (Văn thư, Giáo vụ, Học vụ, Quản trị cơ sở dữ liệu và kho lưu trữ hồ sơ); 01 phòng Phó Hiệu trưởng. Một khu nhà cấp 4 từ cổng trường vào phía bên trái là khu hiệu bộ gồm có: 01 phòng của Chủ tich Hội đồng trường; 01 phòng của Phó Chủ tịch Hội đồng trường; 01 phòng Hiệu trưởng; 01 phòng Kế toán, thủ quỹ gắn với công tác tuyển sinh và kho chứa dụng cụ đồ dùng, văn phòng phẩm phục vụ học sinh. Phòng Y tế học đường chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh được bố trí ở khu nhà nội trú nữ, có tủ thuốc với các thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu và 03 giường bệnh thuận tiện cho học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu [H3-3.3-01].

Các phòng thuộc khối hành chính – quản trị đảm bảo diện tích theo quy định, được đặt ở vị trí khá hợp lý, đáp ứng yêu cầu sử dụng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và khách đến trường liên hệ công tác.

Nhà trường có khu bếp ăn, nhà ăn tập thể phục vụ cho học sinh bán trú, nội trú hàng ngày. Khu nội trú, bán trú phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi buổi trưa cho học sinh được bố trí ở 02 khu vực riêng biệt, một khu vực dành cho học sinh nội trú, bán trú nam; một khu vực dành cho học sinh nội trú, bán trú nữ, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho sinh hoạt nghỉ ngơi của học sinh [H3-3.3-04].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị bố trí, sắp xếp chưa thật hợp lý, khoa học để hỗ trợ và phục vụ hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

2. Điểm mạnh:

Khối phòng hành chính – quản trị được bố trí khá hợp lý, nằm giữa khu vực cổng chính của trường và khu vực học tập, sinh hoạt chung của học sinh. Việc bố trí này đảm bảo an toàn trường học, thuận lợi và không làm ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục của nhà trường khi có khách đến liên hệ công tác, thuận lợi cho công tác phối hợp, hỗ trợ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính – quản trị đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho các hoạt động dạy học, giáo dục;

Nhà trường có khu bếp ăn, nhà ăn, khu nội trú, bán trú đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu:

Khối hành chính – quản trị bố trí, sắp xếp chưa thật sự hợp lý, khoa học để hỗ trợ và phục vụ hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nhà trường còn thiếu phòng hỗ trợ, phụ trợ để phục vụ cho hoạt động chuyên môn (phòng họp của tổ bộ môn; phòng bộ môn khoa học xã hội, phòng thiết bị giáo dục...).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ cuối năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tham mưu, đề xuất Hội đồng trường bố trí, sắp xếp hợp lý và khoa học khối hành chính, quản trị nhằm phục vụ hiệu quả công việc chung của trường.

Tiếp tục có kế hoạch bố trí, sắp xếp phòng họp của tổ bộ môn, phòng bộ môn khoa học xã hội và phòng phụ trợ khác nhằm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động chuyên môn của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quanvà theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chấtthải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có một khu vệ sinh của giáo viên (02 phòng) trong khu nhà Hiệu bộ; 04 khu vệ sinh của học sinh, được bố trí thuận tiện ở các tầng lầu ở hai dãy nhà học, dành cho nam, nữ riêng biệt, đảm bảo điều kiện làm việc, học tập cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Các khu vệ sinh được cung cấp đầy đủ nước sạch, đủ ánh sáng, được vệ sinh thường xuyên và không ô nhiễm môi trường, đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh các cấp học và học sinh thuộc diện hòa nhập [H3-3.4-01].

b) Hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực của nhà trường đảm bảo thông thoáng, thoát nước nhanh, đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhà trường có nước máy, có hệ thống máy bơm, bồn chứa, hệ thống lọc nước đạt chuẩn để phục vụ cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng theo Thông tư số 41/2018/-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế và Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 05 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng nước uống phục vụ học sinh, giáo viên, nhân viên, nhà trường hợp đồng với Công ty TNHH nước I-ON KIỀM cung cấp đầy đủ, kiểm định thường xuyên, đảm bảo chất lượng tốt [H3-3.4-02].

c) Nhà trường thuê nhân viên làm vệ sinh trường lớp hàng ngày, thu gom rác thải và hợp đồng với Công ty thu gom rác tại địa phương để vận chuyển ra ngoài trường. Có các thùng đựng rác bố trí ở khu vực hành lang nhà học và các vị trí tập kết rác thuận tiện, hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường luôn sạch sẽ [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh của trường đảm bảo được sự thuận tiện trong sinh hoạt củacán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Khu vệ sinh được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Tuy nhiên, khu vực tầng trệt chưa bố trí nhà vệ sinh riêng biệt cho giáo viên và nhân viên.

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thảicủa trường đáp ứng quy định tại khoản 3, Điều 5 của Thông tư 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học. Trường đã sử dụng nguồn nước đạt chuẩn, đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và sinh hoạt; hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt tốt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực bếp ăn bán trú, nội trú; có hợp đồng thu gom và vận chuyển rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường bố trí đủ thùng rác có nắp đậy và có phân loại rác thải, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Việc thu gom rác thải ở phòng y tế đảm bảo thực hiện theo quy định. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác.

2. Điểm mạnh:

Khu vực vệ sinh được thiết kế, bố trí đúng quy chuẩn, sạch sẽ, đảm bảo điều kiện làm việc, học tập cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Nguồn nước sạch sử dụng và nước uống tinh khiết đảm bảo tiêu chuẩn nước sạch và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Nhà trường có hệ thống nước máy được kiểm nghiệm đạt chuẩn. Hệ thống cấp thoát nước tốt, thông thoáng, không gây ứ đọng; công tác thu gom, xử lý chất thải và vệ sinh môi trường thực hiện thường xuyên mỗi ngày nên không có hiện tượng ô nhiễm. Quang cảnh khuôn viên trường luôn xanh – sạch – đẹp và thân thiện, phục vụ tốt các hoạt động dạy học, giáo dục của thầy và trò.

3. Điểm yếu:

Khu vực tầng trệt chưa bố trí nhà vệ sinh riêng biệt cho giáo viên và nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường có kế hoạch bố trí hợp lý và cải tạo lại khu nhà vệ sinh tầng trệt và bố trí khu vệ sinh riêng biệt phục vụ cho giáo viên, nhân viên.

Tiếp tục nâng cấp, sửa chữa, khai thông cống rãnh, không để tù đọng gây ô nhiễm môi trường học tập, sinh hoạt của học sinh. Khu nhà vệ sinh tầng trệt thường xuyên sạch sẽ, đảm bảo khô ráo và thoáng khí.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng: bàn, ghế làm việc, tủ hồ sơ và các thiết bị khác theo quy định phục vụ có hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.5-01].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 08 năm 2009 và Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2020. Các trang thiết bị dạy học được sắp xếp khoa học tại các phòng học bộ môn và 01 phòng chứa thiết bị của nhà trường. Các tổ chuyên môn lập kế hoạch sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học hiện có theo quy định của chương trình dạy học. Nhà trường phân công 02 giáo viên có chuyên môn phụ trách công tác kiêm nhiệm phòng thực hành thí nghiệm để bảo quản và nâng cao hiệu quả sử dụng trang thiết bị thực hành thí nghiệm cho học sinh theo quy định của chương trình giáo dục. Tuy nhiên, qua thời gian, các thiết bị và đồ dùng dạy học bị hư hỏng, cần được trang bị, sửa chữa và mua sắm mới để đáp ứng yêu cầu dạy học thực hành cho học sinh có hiệu quả [H1-1.6-07].

c) Hàng năm, lãnh đạo nhà trường cùng các tổ chuyên môn và giáo viên phụ trách phòng thực hành tổ chức, rà soát, kiểm kê hoặc thanh lý những thiết bị như hỏng. Qua kiểm kê, có kế hoạch đề xuất mua sắm, trang bị bổ sung vào đầu mỗi năm học mới nhằm phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học ứng dụng của nhà trường [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Toàn bộ hệ thống máy tính trong trường đều được kết nối Internet phụcvụ công tác quản lý và hoạt động dạy học; tuy nhiên tốc độ đường truyền in ternet chưa đủ mạnh.

b) Nhà trường có đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định. Tuy nhiên một số thiết bị dạy học được trang bị lâu năm nên khi sử dụng độ chính xác không cao.

c) Các thiết bị dạy học được nhà trường mua sắm bổ sung hàng năm theo nhu cầu thiết yếu từ đề xuất của tổ chuyên môn, các bộ phận phụ trách để đáp ứng

cho hoạt động dạy học; tuy nhiên, trang thiết bị dạy học tự làm còn hạn chế, hiệu quả sử dụng không cao.

Mức 3:

Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đủ thiết bị tối thiểu đảm bảo hoạt động dạy học; giáo viên quan tâm sử dụng đồ dùng dạy học trong các giờ lên lớp và hướng dẫn học sinh thực hành hiệu quả. Ngoài ra giáo viên còn tự làm đồ dùng dạy học để phục vụ cho giảng dạy (vẽ tranh ảnh, scan, in ấn...). Tuy nhiên thiết bị dạy học tự làm được giáo viên khai thác, sử dụng nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, không mang tính chất lâu dài.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống thiết bị văn phòng tốt, đáp ứng nhu cầu làm việc của khối văn phòng. Phòng thiết bị, thí nghiệm và khối phòng học được trang bị đủ thiết bị tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập. Tất cả các phòng học đều được trang bị Tivi 75inch nên việc sử dụng thiết bị dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong các giờ lên lớp. Các thiết bị đã được đầu tư, bổ sung đáp ứng yêu cầu tối thiểu và đã góp phần tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

3. Điểm yếu:

Một số trang thiết bị đã cũ, độ chính xác không cao, chưa đảm bảo hiệu suất, hiệu quả sử dụng.

Tốc độ đường truyền Internet chưa đủ mạnh để phục vụ công tác quản lí và hoạt động dạy học;

Thiết bị, đồ dùng dạy học tự làm còn hạn chế về chất lượng, hiệu quả sử dụng chưa cao, không mang tính chất lâu dài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo lãnh đạo nhà trường lập kế hoạch, đề xuất Hội đồng trường mua sắm, bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng, hoá chất, tranh ảnh, bản đồ, mẫu vật... của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 để các phòng bộ môn đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào

tạo. Nâng cấp đường truyền Internet đủ mạnh, đảm bảo phục vụ hiệu quả công tác quản lí, hoạt động dạy học.

Khuyến khích giáo viên, học sinh tự làm đồ dùng dạy học có giá trị sử dụng, ghi nhận sự sáng tạo, đóng góp của giáo viên hằng năm; quản lý, khai thác, sử dụng tốt đồ dùng dạy học hiện có đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường có nguồn tài liệu khá phong phú với trên 3000 đầu sách; trong đó có trên 1000 cuốn sách tham khảo. Thư viện có đủ các loại sách,

báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu khác. Thư viện bố trí bàn ghế phù hợp và 01 bộ máy tính có kết nối mạng internet thuận lợi cho giáo viên và học sinh đọc, nghiên cứu và truy cập kiến thức. Với nguồn tài nguyên phong phú và trang thiết bị đầy đủ, thư viện nhà trường đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường [H3-3.6-01].

b) Thư viện trường có lịch mở cửa để cán bộ, giáo viên và học sinh mượn sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo. Hoạt động của thư viện thực hiện qua sổ theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy định của pháp luật đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Nhân viên thư viện có bảng giới thiệu sách mới theo từng đợt đến giáo viên và học sinh tham khảo. Hoạt động của thư viện đều đạt yêu cầu qua các đợt kiểm tra. Hiện tại thư viện trường đang rà soát, bổ sung hoàn chỉnh một số tiêu chuẩn đề nghị Sở Giáo dục Đào tạo công nhận thư viện đạt Mức độ 1 theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Định kỳ hàng năm, thư viện tiến hành tự kiểm tra, rà soát, báo cáo công tác thư viện theo kế hoạch. Thực hiện kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của cán bộ, giáo viên và học sinh. Việc bổ sung các đầu sách hàng năm được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn và giáo viên. Hàng năm thư viện nhà trường triển khai chương trình vận động thu sách giáo khoa, các loại sách tham khảo và dụng cụ học tập để tăng cường thêm nguồn sách cho thư viện và góp phần chia sẻ với những học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống của Thành phố Hồ Chí Minh [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện có tổng diện tích 60m2 gồm: khu vực làm việc của thủ thư, kho sách, khu vực đọc sách của học sinh chưa được phân chia cụ thể theo quy định. Thư viện nhà trường chưa được đánh giá thư viện trường phổ thông đạt chuẩn

theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Thư viện được đầu tư trang thiết bị chuyên dụng tương đối đầy đủ, tuy nhiên, thư viên chưa bố trí hệ thống máy vi tính cho học sinh tìm kiếm, khai thác thông tin kiến thức phục vụ học tập; tỷ lệ giáo viên và học sinh sử dụng sách báo tại thư viện còn thấp.

2. Điểm mạnh:

Thư viện nhà trường đạt chuẩn theo quy định, đặt ở vị trí thuận lợi, có khu vực đọc sách cho học sinh. Số lượng đầu sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo tương đối nhiều và được phân loại, sắp xếp khoa học, gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc quản lý, tra cứu.

Thư viện trang bị, mua sắm sách giáo khoa, một số đầu sách tham khảo theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cho giáo viên và học sinh kịp thời, góp phần phục vụ tốt việc giảng dạy, học tập của giáo viên, học sinh.

3. Điểm yếu:

Số đầu sách tham khảo hiện có trong thư viện chưa nhiều, chưa đa dạng về chủng loại. Tỉ lệ giáo viên và học sinh sử dụng sách báo tại thư viện còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng và bộ phận phụ trách lập kế hoạch đề xuất Hội đồng trường mua bổ sung thêm các loại sách tham khảo, phục vụ nhu cầu của giáo viên và học sinh đọc và nghiên cứu; trang bị một số máy vi tính kết nối mạng Internet cho học sinh khai thác thông tin phục vụ học tập.

Thực hiện tuyên truyền, giới thiệu sách mới bằng các hoạt động, hình thức phù hợp cho học sinh của trường nhằm thu hút tỉ lệ giáo viên, học sinh mượn và đọc sách tại thư viện nhiều hơn; đồng thời tăng cường hoạt động giáo dục văn hóa đọc cho học sinh trong thời kỳ cách mạng 4.0.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chu Văn An có khuôn viên riêng biệt, môi trường trong lành thoáng mát. Trường có đủ phòng học, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết theo quy định. Thư viện nhà trường cơ bản có đủ tài liệu, sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, sách tham khảo để phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện khá tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Phong trào xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn được chú trọng thực hiện thường xuyên với những giải pháp cụ thể mang tính ngắn hạn và dài hạn.

Tuy nhiên, nhà trường chưa đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các phòng thực hành thí nghiệm đạt chuẩn quy định; bàn ghế tại các phòng học của học sinh đã cũ. Thiết bị giáo dục và một số đồ dùng dạy học phục vụ cho việc dạy và học đã bị hư hỏng do sử dụng nhiều năm. Kinh phí của nhà trường còn khó khăn nên việc bổ sung, mua sắm thêm các trang thiết bị, việc tu sửa các hạng mục công trình phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường vẫn còn bị hạn chế.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3: 06

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 06/06

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 02/06

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 0/06

Kết luận: Tiêu chuẩn 3 đạt Mức 1

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường giáo dục được nhà trường luôn chú trọng và duy trì tốt. Quan hệ giữa

nhà trường, gia đình và xã hội tốt sẽ tạo nền tảng vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế những ảnh hưởng tác động xấu của xã hội đến học sinh, đồng thời đáp ứng, phục vụ tốt nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương.

Ngoài ra, nhà trường còn coi trọng mối quan hệ phối hợp với các cơ quan, tổ chức đoàn thể, xã hội ngoài nhà trường để tranh thủ sự ủng hộ về vật chất cũng như tinh thần để xây dựng cơ sở vật chất, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục khác.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức hội nghị cha mẹ học sinh tại các lớp để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh của mỗi lớp gồm có 02 thành viên và 01 ủy viên. Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp

tham dự hội nghị cha mẹ học sinh trường theo lịch thời gian thống nhất của nhà trường [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường xây dựng kế hoạch, quy chế, phương hướng hoạt động và thực hiện nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo đúng quy chế và Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**.** Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và trường tổ chức họp định kỳ 03 lần vào đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học để kịp thời thông báo, phổ biến triển khai tình hình của nhà trường, của lớp, của học sinh đến cha mẹ học sinh [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường có kế hoạch hoạt động theo từng năm học. Nhà trường luôn phối hợp, tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động và triển khai, phổ biến rộng rãi đến cha mẹ học sinh toàn trường về kế hoạch phát triển giáo dục năm học của nhà trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đã phối hợp với nhà trường chăm lo công tác giáo dục học sinh, động viên, khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong học tập, trong các phong trào hội thi và tham gia các hoạt động ngoại khóa, học tập, trải nghiệm... Giáo viên chủ nhiệm lớp thường xuyên trao đổi, phối hợp tốt với cha mẹ học sinh để cùng tham gia chăm lo giáo dục học sinh nhất là những em có hoàn cảnh khó khăn hoặc chậm tiến bộ trong học tập, rèn luyện [H4-4.1-03].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thời gian đã thống nhất, được trưởng ban đại diện các lớp thông báo đến các cha mẹ học sinh tại cuộc họp phụ huynh học sinh đầu năm, giữa học kỳ và cuối năm học [H4.4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, bảo vệ học sinh tại các buổi họp cha mẹ học sinh định kỳ hàng năm. Ban đại diện cha

mẹ học sinh trường luôn phối hợp tốt với nhà trường xác minh đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tư vấn, đề xuất hỗ trợ học bổng, huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp tiếp tục học tập, rèn luyện. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường của một số Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và phụ huynh thực hiện chưa thường xuyên và thiếu chặt chẽ [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06].

Mức 3:

Sự phối hợp đồng bộ của Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục theo quy định của điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh còn thiếu chặt chẽ, dẫn tới việc giáo dục học sinh thuộc dạng cá biệt (chưa ngoan, năng lực học yếu kém) hiệu quả đạt được chưa cao.

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và nhà trường được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ, trên tinh thần tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, đoàn kết, hợp tác và tôn trọng lẫn nhau.

Nhà trường luôn được sự hỗ trợ nhiệt tình về mọi mặt của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, nhiệt tình, có nhiều đóng góp thiết thực, hiệu quả phục nâng cao chất lượng dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Việc phối hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường của một số Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và phụ huynh thực hiện còn thiếu chặt chẽ, dẫn tới việc giáo dục học sinh thuộc dạng cá biệt (chưa ngoan, năng lực học tập chưa đạt yêu cầu) hiệu quả đạt được chưa cao.

Ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh học sinh tham gia đóng góp ý kiến cho các hoạt động giáo dục của nhà trường còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên chủ nhiệm lớp có biện pháp tăng cường hoạt động phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả giữa giáo viên chủ nhiệm với Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và phụ huynh trong công tác giáo dục học sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ, có ý thức, trách nhiệm cao trong học tập, rèn luyện, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo.

Thông qua các kỳ hội họp, khuyến kích Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp tích cực đóng góp ý kiến cho các hoạt động giáo dục của nhà trường về những điểm mạnh và những mặt còn hạn chế, tồn tại để xem xet, điều chỉnh, khắc phục kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình

văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường có kế hoạch cụ thể phối hợp với Đảng uỷ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương của phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân để tổ chức phối hợp các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường; phối hợp với các trường Mầm non, trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở trên địa bàn về thực hiện kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6, lớp 10**.** Phối hợp với các đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyên truyền đến học sinh, phụ huynh học sinh việc đảm bảo thực hiện tốt về an ninh trật tự, an toàn trường học [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương trong việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; tuyên truyền đến học sinh, phụ huynh học sinh việc đảm bảo an toàn giao thông, không tàng trữ, sử dụng các chất cấm, độc hại...và ký cam kết thực hiện với Công an Phường Bình Hưng Hòa trong việc đảm bảo về an ninh trật tự xung quanh trường và trên địa bàn trường tọa lạc**.** Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường Bình Hưng Hòa và Ban Chấp hành Quận đoàn quận Bình Tân trong việc tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ, tham gia ngày chủ nhật xanh...[H4-4.2-03].

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực tự nguyện hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Hằng năm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định từ các tổ chức, cá nhân; từ Ban đại diện cha mẹ học sinh để trao tặng học bổng, khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh đạt

thành tích xuất sắc khác, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H4-4.2-04]; [H4.4.2-05].

Mức 2:

a) Nhà trường tham mưu Cấp ủy Đảng, Hội đồng trường về kế hoạch đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục theo lộ trình từng năm học; củng cố, xây dựng phát triển đội ngũ; nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị dạy học; thực hiện chuyển đổi số... từng bước thực hiện tốt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 [H4-4.2-06].

b) Nhà trường phối hợp với Ban Chấp hành Quận đoàn quận Bình Tân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường Bình Hưng Hòa để tuyên truyền giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh. Tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng ở địa phương. Tuy nhiên, hoạt động tham gia, quan tâm chăm sóc gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng ở địa phương thực hiện chưa thường xuyên [H4-4.2-07]; [H4-4.2-08]; [H4-4.2-09].

Mức 3:

Trường đã tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phường và Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả với trường để tổ chức những lễ hội lớn và kỷ niệm các ngày lễ truyền thống trong năm học. Hằng năm, nhà trường phối hợp tốt với Quận đoàn quận Bình Tân trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống yêu nước cho học sinh và bồi dưỡng chính trị cho đoàn viên giáo viên và học sinh. Việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương luôn được Hội đồng trường và Ban lãnh đạo quan tâm, định hướng vươn tới; tuy nhiên xét về tiềm lực và vị thế của nhà trường ở thời điểm hiện tại vẫn còn khiêm tốn, chưa đủ lực trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh:

Công tác tham mưu, phối hợp của lãnh đạo nhà trường đạt được nhiều kết quả tích cực; phối hợp có hiệu quả với các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội và cá nhân thực hiện các hoạt động giáo dục.

Nhà trường nhận được nhiều sự hỗ trợ của tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội để tổ chức hoạt động giáo dục thiết thực và bổ ích. Sự đóng góp về tinh thần và vật chất của các tổ chức hàng năm đã góp phần động viên sự cố gắng nỗ lực của học sinh, giúp nhà trường thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục hằng năm.

3. Điểm yếu:

Công tác huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục để phát triển nhà trường còn hạn chế.

Tổ chức tham gia, quan tâm chăm sóc gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng ở địa phương thực hiện chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và các năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường chủ động lập kế hoạch phối hợp với các đoàn thể ở địa phương làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục văn hóa, đạo đức, lối sống về nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, hướng tới môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, lành mạnh cho học sinh. Tiếp tục tranh thủ các nguồn lực của các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nhà trường ủng hộ về tinh thần và vật chất góp phần động viên sự cố gắng nỗ lực của học sinh, giúp nhà trường tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục năm học.

Từ năm học 2023 – 2024, chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh lập kế hoạch tìm địa chỉ cụ thể của gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam Anh hùng ở địa phương của phường Bình Hưng Hòa và của quận Bình Tân để thường xuyên tổ chức hoạt động tri ân, quan tâm chăm sóc.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

Nhà trường tọa lạc ở khu vực phần lớn là con em công nhân lao động, cuộc sống của học sinh và phụ huynh còn khó khăn nên việc huy động các nguồn lực ủng hộ về xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp xây dựng cảnh quan môi trường; khuyến học, khuyến tài của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 4: 02

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 02/02

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 02/02

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 00/02

Kết luận: Tiêu chuẩn 4 đạt Mức 2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giáo dục, tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục. Giáo viên tích cực vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh; tổ chức tốt các hoạt động thao giảng, hội giảng, duy trì tốt nếp dự giờ thăm lớp; tích cực khai thác, sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và giáo dục. Nhà trường luôn quan tâm tới công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu; phụ đạo học sinh yếu, kém; giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập. Thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục địa phương, giáo dục truyền thống. Tổ chức nghiêm túc, có chất lượng các hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua, quan tâm đúng mức đến giáo

dục đạo đức, lối sống và kỹ năng sống cho học sinh thông qua chương trình chính khóa và ngoại khóa; quan tâm tới công tác giáo dục thể chất và chăm sóc sức khỏe cho học sinh, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và thân thiện.

Trong 05 năm học qua, nhà trường đã không ngừng phấn đấu vươn lên trong công tác nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh; tổ chức nghiêm túc, có chất lượng hoạt động học tập, giáo dục, hướng nghiệp, dạy nghề; đẩy mạnh hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động giáo dục kỹ năng sống; hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp tạo sân chơi lành mạnh cho học sinh, hướng tới môi trường giáo dục thân thiện, tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng mũi nhọn, từng bước khẳng định vị thế, uy tín của một trường tư thục trên địa bàn quận Bình Tân.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Từ đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân. Căn cứ kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường, chức năng hoạt động chuyên môn và tình hình thực tế của Tổ chuyên môn để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ. Từng giáo viên căn cứ kế hoạch của trường, của tổ và nhiệm vụ được phân công để xây dựng kế hoạch dạy học cụ thể của cá nhân. Kế hoạch dạy học được Tổ trưởng chuyên môn thẩm định, lãnh đạo nhà trường phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện. Sau khi xây dựng kế hoạch, nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BGDĐT và Chương trình Giáo dục phổ thông, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, nhà trường còn thực hiện nghiêm túc hoạt động dạy tự chọn, dạy nghề, hướng nhiệp, hoạt động Giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, tổ chức các hoạt động học tập, trải nghiệm để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Trong quá trình dạy học các giáo viên còn thực hiện tích hợp, lồng ghép các nội dung về giáo dục bảo vệ môi trường, phòng tránh biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, tiết kiệm tài nguyên, kiến thức về phòng chống tham nhũng, bảo vệ biển đảo quê hương…Các hoạt động giáo dục của nhà trường được thực hiện nghiêm túc và đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-01]; [H1-1.4-04].

b) Ban lãnh đạo nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề đã được tập huấn ở Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về đổi mới phương pháp dạy học. Giáo viên xây dựng nội dung chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, vận dụng

các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với các đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường. Tăng cường bồi dưỡng phương pháp, năng lực tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng cho học sinh biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn [H5-5.1-01]; [H5-1.4-05].

c) Nhà trường thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc trưng yêu cầu của môn học và đối tượng học sinh. Thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với học sinh về: ý thức học tập trên lớp; kiểm tra, đánh giá qua hồ sơ học tập; kiểm tra viết; kiểm tra, đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập; báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; kiểm tra, đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập… Giáo viên còn hướng dẫn học sinh tự đánh giá nghiêm túc kết quả học tập của mình. Kết hợp kiểm tra, đánh giá bằng điểm số với kiểm tra, đánh giá bằng nhận xét. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra định kỳ, cuối học kì, cuối năm học theo ma trận. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Nội dung kiểm tra yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn khoa học xã hội để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Với các hình thức kiểm tra, đánh giá linh hoạt, hiệu quả như trên nên kết quả học tập của học sinh luôn đảm bảo khách quan, thực chất và công bằng [H1-1.2-08]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

Mức 2:

a) Nhà trường chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giáo dục hiện hành: Thực hiện kế hoạch dạy học từ 35 tuần/năm học đúng theo sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân; thực hiện bám sát nội dung, chương trình trong sách giáo khoa hiện hành trên cơ sở kế hoạch dạy học đã được phê duyệt đối với tất cả các môn học ở tất cả các khối từ lớp 1 đến lớp 12. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên lựa chọn nội dung, cân đối thời lượng, sử dụng phương pháp, hình thức dạy học phù

hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng được yêu cầu, khả năng nhận thức của người học. Chú trọng rèn cho học sinh về kỹ năng tự học, tự đọc, tìm hiểu, nghiên cứu sách giáo khoa; cho học sinh luyện tập, thực hành, thảo luận; giáo viên tổng hợp nhận xét đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận kiến thức và vận dụng. Bằng các phương pháp và hình thức dạy học tích cực nên chất lượng giáo dục của nhà trường được duy trì và nâng lên [H1-1.7-01]; [H1-1.4-04]; [H1-1.8-01].

b) Từ đầu năm học nhà trường đã có kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo, bồi dưỡng cho đối tượng học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Cụ thể, nhà trường phân công giáo viên bộ môn rà soát năng lực học tập môn học của học sinh để lập đội tuyển học sinh giỏi các môn. Sau đó, phân công cho giáo viên có kinh nghiệm bồi dưỡng để học sinh tham gia kỳ thi học sinh giỏi Olympic Cụm và Thành phố; học sinh giỏi lớp 12 cấp Thành phố đều đạt giải cao. Đối với những đối tượng học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện như: bị khiếm khuyết về trí tuệ, bệnh mãn tính, bị tai nạn thương tích, gia đình nghèo, hoàn cảnh khó khăn, con mồ côi, dân tộc… nhà trường cùng giáo viên chủ nhiệm đã phối hợp với cha mẹ học sinh để có biện pháp động viên bằng tinh thần lẫn vật chất, giúp các em tự tin, phấn đấu vươn lên trong học tập. Những đối tượng học sinh có lực học yếu, kém nhà trường phân công giáo viên bộ môn phụ đạo tăng cường để bù đắp kiến thức cơ bản còn thiếu hụt, giúp các em làm bài kiểm tra, thi đạt yêu cầu. Tuy nhiên, việc phụ đạo, bồi dưỡng học sinh có học lực yếu kém bộ môn còn gặp khó khăn do nhận thức của các em còn chậm, thiếu sự nỗ lực vươn lên và thiếu sự quan tâm đúng mức của cha mẹ học sinh nên vẫn còn có học sinh chưa có nhiều tiến bộ trong học tập [H5-5.1-04]; [H1-1.8-05]; [H1-1.2-08].

Mức 3:

Hằng năm, dựa trên kết quả giáo dục cuối mỗi học kỳ và cuối năm học,kết quả của các kỳ thi tốt nghiệp và học sinh giỏi, nhà trường tổ chức rà soát, phân tích số liệu; đồng thời giao tổ bộ môn đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp đã thực hiện và tìm ra giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với chuyên môn, nhân lực và năng lực của tổ để nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Trong mỗi năm học, nhà trường thông tin kết quả giáo dục giữa học

kỳ và cuối học kỳ để giáo viên và học sinh có định hướng điều chỉnh việc dạy và học hợp lý, đạt hiệu quả cao hơn.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tổ chức giảng dạy đủ các môn học theo quy định, sắp xếp, tinh giản nội dung dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng được chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh ở các môn học.

Giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; tăng cường bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh.

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc trưng yêu cầu của bộ môn, quá trình đổi mới kiểm tra, đánh giá thúc đẩy quá trình đổi mới hoạt động dạy và học.

Nhà trường quan tâm và đầu tư, rà soát xây dựng kế hoạch phụ đạo những học sinh gặp khó khăn trong học tập và học sinh yếu kém bộ môn để ổn định, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng thực chất hàng năm.

3. Điểm yếu:

Kết quả thi học sinh giỏi (học sinh có năng khiếu) các cấp đạt được còn ít.

Việc phụ đạo, bồi dưỡng học sinh có học lực yếu kém bộ môn còn gặp khó khăn do nhận thức của các em còn chậm, thiếu sự nỗ lực vươn lên và sự quan tâm giáo dục chưa đúng mức của cha mẹ học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng lập kế hoạch chỉ đạo tổ chuyên môn có kế hoạch và giải pháp phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu ở các bộ môn từ lớp đầu cấp để tăng thêm số lượng và chất lượng học sinh đạt giải nhiều hơn so với những năm học trước.

Giáo viên bộ môn quan tâm giúp đỡ học sinh yếu kém, gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện; có kế hoạch, giải pháp dạy học hiệu quả trong công tác phụ đạo, bồi dưỡng kiến thức cho đối tượng học sinh yếu kém; có giải pháp riêng cho các học sinh nhận thức còn chậm; phối hợp giáo viên chủ nhiệm hỗ trợ tư vấn gia đình cũng như giáo dục học sinh các trường hợp học sinh thiếu sự nỗ lực vươn lên hay thiếu sự quan tâm đúng mức của cha mẹ nhằm đảm bảo chất lượng học tập được cải thiện, nâng lên so với trước.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã yêu cầu giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tổ chức tìm hiểu, khảo sát, lập danh sách phân loại học sinh có hoàn cảnh khó khăn (học sinh hộ nghèo, cận nghèo, học sinh mồ côi, học sinh có bố mẹ ly hôn, học sinh không nơi nương tựa...); học sinh có năng khiếu (về Âm nhạc, Mỹ thuật, về Thể thể dục thể thao, về Văn học, Toán học...); học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện (học sinh khiếm khuyết về trí tuệ, học sinh bị bệnh mãn tính, bị tai nạn thương tích) để có kế hoạch giáo dục cho phù hợp. Nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế các đối tượng học sinh, xây dựng kế hoạch, giải pháp giáo dục phù hợp với từng đối tượng người học để thực hiện cho hiệu quả [H1-1.8-05].

b) Sau khi tìm hiểu, khảo sát, phân loại đối tượng, xây dựng kế hoạch, nhà trường phân công giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm thực hiện hoạt động giáo dục đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Đối với những học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, ngoài việc tổ chức giúp đỡ, bồi dưỡng các em về kiến thức, kỹ năng nhà trường còn tạo điều kiện giúp đỡ các em về tinh thần và vật chất bằng cách động viên, khuyến khích và miễn, giảm bớt các khoản tiền đóng góp của các em và tặng quà cho các em nhân dịp lễ, tết. Đối với những học sinh có năng khiếu, nhà trường phân công cụ thể các giáo viên phụ trách môn học, tổ chức bồi dưỡng về kiến thức và phương pháp giúp các em phát huy hết năng lực trong quá trình học tập. Các em đã nỗ lực cố gắng và đạt được các giải cao trong các kỳ thi cấp Cụm, cấp Thành phố [H5-5.1-04]; [H5 -5.2 -01]; [H5-5.2-02].

c) Kết thúc mỗi năm học nhà trường đều tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện nhằm rút ra những kinh nghiệm cần thiết để những năm học sau thực hiện hiệu quả hơn. Tuy nhiên, do địa bàn tọa lạc của trường phần lớn là dân lao động có nguồn thu nhập còn thấp nên học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhiều nên việc nắm bắt và hỗ trợ có lúc chưa kịp thời. Kinh phí

dành cho việc giúp đỡ cho những đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn còn hạn chế. [H1.1.2-08].

Mức 2:

Qua quá trình được giáo dục, rèn luyện và giúp đỡ bằng những hình thức phù hợp, các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục từng năm học. Nhiều năm nhà trường không có học sinh xếp loại học lực yếu. Đặc biệt một số em học sinh giỏi, có năng khiếu còn đạt được những thành tích đáng ghi nhận [H5-5.2-03].

Mức 3:

Các năm học vừa qua, nhà trường có học sinh tham dự và đạt thành tích cao trong các cuộc thi Olympic, học sinh giỏi cấp Thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Tuy nhiên số lượng học sinh tham dự các cuộc thi, kỳ thi còn ít. Hằng năm, nhà trường chưa có học sinh đạt giải về thể thao và nghệ thuật.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện việc rà soát, phân loại cụ thể, có kế hoạch, giải pháp phù hợp, hiệu quả trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho các đối tượng học sinh ngay từ đầu năm học. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, trách nhiệm, tâm huyết và giàu kinh nghiệm, đội ngũ cán sự lớp biết yêu thương, chia sẻ và giúp đỡ bạn bè. Nhà trường tạo được sự đồng thuận, ủng hộ của các bộ phận, của đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương nên đạt được hiệu quả cao trong các hoạt động giáo dục. Các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tài trợ về học bổng; học sinh có thành tích học tập xuất sắc được tuyên dương, khen thưởng kịp thời.

3. Điểm yếu:

Tuyển sinh đầu vào chất lượng còn thấp nên hằng năm công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu các môn văn hóa còn gặp khó khăn, số

lượng học sinh giỏi tham dự các cuộc thi, kỳ thi còn ít. Nhà trường chưa có học sinh đạt giải về thể thao và nghệ thuật do các cấp tổ chức.

Đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhiều nên việc nắm bắt và hỗ trợ có lúc chưa kịp thời. Kinh phí dành cho việc giúp đỡ cho những đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục lập kế hoạch phát hiện, đầu tư, thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ở các môn văn hóa, thể dục thể thao có tiềm năng tham dự các kỳ thi, hội thi để đóng góp cho chất lượng giáo dục mũi nhọn của nhà trường.

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, Ban chấp hành Chi hội Khuyến học tiếp tục duy trì và phát triển mạnh nguồn quỹ khuyến học nhằm thực hiện tốt công tác hỗ trợ học sinh. Đồng thời, chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm và bộ phận quản lý học sinh tích cực phối hợp tốt với cha mẹ học sinh ngay từ đầu năm học, tìm hiểu học sinh để có biện pháp giúp đỡ, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khó khăn kịp thời, giúp các em yên tâm học tập, rèn luyện tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các tổ bộ môn thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo hướng dẫn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn số 1184/SGDĐT-GDTrH ngày 15 tháng 08 năm 2017 và công văn hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương hằng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Phó Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn tích hợp việc giảng dạy chương trình giáo dục địa phương cho học sinh thông qua bộ tài liệu cho các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân; Hoạt động giáo dục Ngoài giờ lên lớp và Hướng nghiệp; kết hợp giảng dạy trên lớp với tổ chức tham quan thực tế, sưu tầm tư liệu về văn hóa và lịch sử, kinh tế xã hội của địa phương. Triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung giảng dạy giáo dục địa phương theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6, lớp 7 và lớp 10 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh biên soạn [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

b) Nhà trường sử dụng tài liệu giáo dục địa phương các bộ môn do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh biên soạn để giảng dạy và đánh giá. Việc kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan, hiệu quả, có kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá, góp ý lẫn nhau của học sinh. Qua học tập nội dung giáo dục địa phương, giúp học sinh hiểu biết thêm về văn hóa, lịch sử, kinh tế xã hội của địa phương, khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của Thành phố [H5-5.1-02].

c) Đầu mỗi năm học, khi xây dựng kế hoạch giáo dục, nhà trường đã chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, rút kinh nghiệm thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho sát với tình hình thực tế của địa phương trước khi thực hiện [H1-1.4-06].

Mức 2:

Đầu năm học, Phó Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân xây dựng kế hoạch lồng ghép nội dung giáo dục địa phương trong các tiết học chính khóa, đảm bảo các nội dung về hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử, địa lý phù hợp với mục tiêu môn học và chú ý gắn lý luận với thực tiễn. Tuy nhiên, tài liệu phục vụ giáo dục địa phương chưa phong phú.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có kế hoạch cụ thể ngay từ đầu năm học về nhiệm vụ giáo dục địa phương. Chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả nội dung giáo dục địa phương, kiểm tra đánh giá nội dung giáo dục địa phương đúng quy định.

Thực hiện nghiêm túc nội dung rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục địa phương theo phân phối chương trình đã quy định.

3. Điểm yếu:

Tài liệu phục vụ cho giảng dạy và học tập nội dung giáo dục địa phương còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn, nhân viên thư viện tổ chức và phối hợp sưu tầm bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học. Tiếp tục chỉ đạo các tổ bộ môn lồng ghép nội dung giáo dục địa phương vào các hoạt động ngoại khóa, tiết học trải nghiệm, hướng nghiệp, tiết học ngoài nhà trường với thời lượng phù hợp đảm bảo gắn kiến thức lý luận với thực tiễn.

Tổ chức cho giáo viên và học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm, tham quan, tìm hiểu thực tế của địa phương, rèn luyện kỹ năng sống, mở rộng, nâng cao hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hìnhthức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục cụ thể cho hoạt động trải nghiệm và giáo dục hướng nghiệp, bao gồm cả hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phù hợp với học sinh toàn trường và điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của địa phương nhằm giúp các em trở thành con người phát triển toàn diện và bước đầu giúp học sinh định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực học tập của bản thân [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

b) Nhà trường triển khai thực hiện hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh theo kế hoạch, chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Tổ chức tuyên truyền thực hiện kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho toàn thể học sinh chu đáo, an toàn và có nhiều ý nghĩa tích cực. Hằng năm học sinh khối 12 đều được nhà trường phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng tổ chức hướng nghiệp và tư vấn nghề nghiệp vào thời điểm cuối học kỳ I và đầu học kỳ II nhằm giúp các em có sự hiểu biết nhất định cho việc lựa chọn nghề, là bước khởi đầu quan trọng cho sự định hướng nghề nghiệp và dự định tiếp theo [H5-5.4-03].

c) Để tổ chức tốt và có hiệu quả các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh, lãnh đạo nhà trường phân công đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, Trợ lý Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nhân viên và mời thường trực Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp cùng phối hợp, hỗ trợ tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với học sinh. Chính vì vậy hoạt động được tổ chức chu đáo, diễn ra an toàn và mang lại nhiều ý nghĩa tích cực [H5-5.4-04].

Mức 2:

a) Kế hoạch hoạt động trải nghiệm hằng năm được xây dựng phù hợp với từng khối lớp, bộ môn. Giáo viên nhà trường tích cực tham gia, phụ huynh ủng hộ tích cực, học sinh thích thú với các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế. Hoạt động hướng nghiệp được triển khai với nhiều hình thức phong phú như phối hợp với các đơn vị trường Đại học, Cao đẳng, trừng trung cấp nghề tổ chức tư vấn lựa chọn nghề phù hợp, sinh hoạt chuyên đề… nhằm giúp học sinh có định hướng đúng đắn cho tương lai. Nhà trường xây dựng được một số câu lạc bộ năng khiếu tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ học. Tỷ lệ học sinh khối lớp 11 của trường tham gia học nghề hằng năm luôn đạt 100%. Tuy nhiên, một số ít học sinh còn thụ động trong các hoạt động trải nghiệm. Việc chọn nghề còn theo phong trào chưa chú trọng đến sở thích và năng lực của bản thân làm ảnh hưởng đến việc chọn lựa nghề nghiệp của bản thân.

b) Sau mỗi học kỳ, mỗi năm trường chưa tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, từ đó đánh giá thực trạng, đề ra giải pháp cho năm học sau thực hiện tốt hơn.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức linh hoạt, hiệu quả các hoạt động trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp cho học sinh. Các giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh toàn trường tích cực, hứng thú tham gia vào các hoạt động trải nghiệm và giáo dục hướng nghiệp do nhà trường tổ chức. Trong các buổi trải

nghiệm và giáo dục hướng nghiệp, học sinh luôn có ý thức quan sát, lắng nghe, suy nghĩ, tích cực trao đổi, học hỏi, ghi nhớ những kiến thức cần thiết và bài học bổ ích cho bản thân từ thực tiễn cuộc sống. Nhờ đó hoạt động học tập, trải nghiệm thực tiễn và hướng nghiệp cho học sinh của nhà trường luôn đạt kết quả tốt và thực sự hữu ích đối với các em.

3. Điểm yếu:

Một số học sinh còn thụ động trong các hoạt động học tập, trải nghiệm. Việc chọn nghề còn theo phong trào chưa chú trọng đến sở thích và năng lực của bản thân làm ảnh hưởng đến việc chọn lựa nghề nghiệp của bản thân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng nhà trường lập kế hoạch tập huấn cho giáo viên chủ nhiệm về công tác hướng nghiệp để định hướng tốt hơn cho học sinh khả năng lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, sở thích bản thân và nhu cầu lao động của xã hội.

Tăng cường tổ chức hoạt động học tập, trải nghiệm gắn với các môn học, mỗi môn học tổ chức các tiết trải nghiệm để tìm tòi phát hiện kiến thức cũng như vận dụng củng cố kiến kiến thức từ thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bướchình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trong những năm học qua nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được lồng ghép trong các hoạt động trên lớp, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và qua các hoạt động tham quan, trải nghiệm thực tế. Giáo viên được dự các lớp tập huấn giáo dục kỹ năng sống do Sở Giáo dục Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Ngoài ra nhà trường còn tổ chức giảng dạy một số chuyên đề có nội dung lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho học sinh như: giáo dục các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kiềm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh dưới nhiều hình thức, qua đó các em được tích hợp giáo dục kỹ năng sống, có ý thức học tập tốt, lao động sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tự chăm sóc mình, phòng ngừa bạo lực… [H5-5.5-01].

b) Thông qua các giờ chào cờ đầu tuần, các buổi sinh hoạt tập thể theo chủ đề, chủ điểm hàng tháng, qua hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động trải nghiệm, các cuộc thi năng khiếu, qua các buổi tuyên truyền, nhà trường

đã giáo dục, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống cho học sinh, giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống các tệ nạn xã hội; giáo dục học sinh thực hiện các quy định về cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau. Vì vậy mà học sinh có chuyển biến tích cực về hiểu biết kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật, các em tự tin hơn khi giao tiếp và tích cực, hào hứng tham gia các hoạt động tập thể của trường và địa phương [H1-1.5-06]; [H1-1.2-08].

c) Các nội dung giáo dục, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh có tác động tích cực, rõ nét tới việc hình thành nhân cách, phẩm chất đạo đức, hành vi, thái độ học sinh. Thông qua các hoạt động tuyên truyền và hoạt động giáo dục mà đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Các em biết yêu thương nhau, tôn trọng tình bạn, có kỹ năng biết tự bảo vệ mình và có lối sống phù hợp với thuần phong mỹ tục của nhân dân địa phương [H5-5.5-02]; [H1-1.2-08].

Mức 2:

a) Ngay từ đầu năm học, lãnh đạo nhà trường có văn bản chỉ đạo giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm sinh hoạt kỹ tiêu chí đánh giá về mặt học lực, hạnh kiểm học sinh, đánh giá thi đua tập thể lớp để các em học sinh biết và có hướng phấn đấu đạt kết quả tốt; sinh hoạt cách thức kiểm tra đánh giá, trong đó kiểm tra định kỳ, thường xuyên, hình thức kết hợp tự luận, trắc nghiệm và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập và nhận xét đánh giá bài học cụ thể trong quá trình dạy học, qua đó học sinh tự điều chỉnh việc học để nâng cao kết quả học tập.

b) Học sinh từng bước vận dụng kiến thức đã học ở một số môn học để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống thông qua các chuyên đề bộ môn, các đợt tham quan học tập, trải nghiệm, hoạt động câu lạc bộ, ngoại khóa. Qua đó học sinh mạnh dạn tự tin hơn, có kĩ năng nói, thuyết trình trước đám đông, diễn kịch sân khấu hóa tác phẩm văn học…. Tuy nhiên, tài liệu giáo dục kĩ năng sống cho học sinh còn hạn chế, giáo viên chưa được tập huấn thường xuyên và chuyên sâu về nội dung

giáo dục kĩ năng sống và giá trị sống nên việc dạy lồng ghép kĩ năng sống vào các môn học còn hạn chế.

Mức 3:

Lãnh đạo nhà trường có chỉ đạo giáo viên hướng dẫn học sinh tập nghiên cứu khoa học, công nghệ trong quá trình học tập. Tuy nhiên, trong những năm qua, các tổ chuyên môn chưa mạnh dạn hướng dẫn học sinh tập nghiên cứu khoa học, công nghệ và tham gia các cuộc thi khoa học, công nghệ do các cấp tổ chức. Nhà trường chưa có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục phong phú đảm bảo đúng kế hoạch. Tổ chức cho học sinh tham quan trải nghiệm bảo tàng, khu di tích lịch sử – văn hóa, làng nghề, danh lam thắng cảnh và nhiều hoạt động ngoại khóa giúp các em nâng cao nhận thức thực tiễn cuộc sống và được rèn luyện về kỹ năng sống.

Lãnh đạo nhà trường quan tâm đến hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Đội ngũ các thầy cô trong nhà trường đã thực hiện tốt công tác giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được tích hợp qua các giờ học một cách hợp lý và hiệu quả. Học sinh đã tự chủ động nhận thức, giải quyết vấn đề hợp tác theo nhóm trong các tiết học và trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp có sự sáng tạo.

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật và các quy tắc xã hội. Học sinh được giáo dục và hình thành các kỹ năng cơ bản, cần thiết để hình thành nhân cách tốt của công dân.

3. Điểm yếu:

Tài liệu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh còn hạn chế, giáo viên chưa được tập huấn thường xuyên và chuyên sâu về nội dung giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống nên việc giảng dạy lồng ghép kỹ năng sống vào các môn học hiệu quả đạt được chưa cao. Việc vận dụng kiến thức được trang bị về nội dung giáo dục kỹ năng sống của một số học sinh vào thực tiễn còn hạn chế.

Lãnh đạo trường và tổ chuyên môn chưa mạnh dạn tạo sân chơi và hướng dẫn cho học sinh bước đầu làm quen, tập dợt với nghiên cứu khoa học, công nghệ. Hằng năm nhà trường chưa có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tăng cường nghiên cứu, tìm hiểu, thu thập thêm tài liệu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Bố trí, sắp xếp cho một số giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng về nội dung giáo dục kỹ năng sống do Ngành Giáo dục Đào tạo tổ chức hằng năm.

Hằng năm, lãnh đạo nhà trường và tổ chuyên môn tạo sân chơi và hướng dẫn học sinh bước đầu làm quen với hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ cấp trường; từ đó có cơ sở dầu tư cho học sinh tham gia nghiên cứu khoa học do các cấp, ngành tổ chức.

Tiếp tục duy trì các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, sinh hoạt tập thể cho học sinh; rèn luyện các kỹ năng cơ bản nhất để học sinh tiếp nhận và có năng lực vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% họcsinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường luôn xác định rõ nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ cốt lõi, đóng vai trò then chốt quyết định đến sứ mệnh và uy tín của trường đối với sự nghiệp phát triển giáo dục. Nhà trường chú trọng xây dựng kế hoạch từng năm học, đặt các mục tiêu, chỉ tiêu cần đạt đối với giáo dục hạnh kiểm, giáo dục văn hóa, có nhiều biện pháp tích cực để nâng cao chất lượng các mặt giáo dục cho học sinh hàng năm. Kết quả về hạnh kiểm (rèn luyện) và học lực học sinh hàng năm đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường đã đề ra [H1-1.7-01]; [H1-1.4-04].

Cấp học	**Năm học 2022 – 2023**	**Kế hoạch đầu năm học**	**Kết quả cuối năm học**
Tiểu học	Năng lực	100%	100%

	Phẩm chất	100%	100%
Trung học cơ sở và Trung học phổ thông	Học lực	Giỏi (Tốt) 10%, Khá 50%, Trung bình (Đạt) 40%, Yếu 0%	Giỏi (Tốt) 11.32%, Khá 51.63%, Trung bình (Đạt) 35.51%, Yếu 1.54%
	Hạnh kiểm (Rèn luyện)	Tốt 60%, Khá 30%, Trung bình (Đạt) 9%, Yếu (Chưa đạt)1%	Tốt 55.66%, Khá 34.55%, Trung bình (Đạt) 7.68%, Yếu (Chưa đạt) 1.92%

b) Trong 5 năm qua, tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng ở cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông luôn đạt từ 98,9 % đến 100% và tỉ lệ học sinh công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 100%; tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt từ 98% đến 100%; đảm bảo hoàn thành tốt theo kế hoạch gióa dục của nhà trường hằng năm [H1-1.2-08]; [H1-1.2-08].

Năm học 2022 – 2023	**Kế hoạch đầu năm học**	**Kết quả cuối năm học**
Lên lớp thẳng cấp Tiểu học	100%	100%
Lên lớp thẳng cấp Trung học cơ sở	100%	98.9%
Lên lớp thẳng cấp Trung học phổ thông	100%	98.4%
Công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học	100%	100%
Công nhận Tốt nghiệp Trung học cơ sở	100%	100%
Công nhận Tốt nghiệp Trung học phổ thông	100%	100%

c) Công tác phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm. Hằng năm, nhà trường xếp lớp theo nguyện vọng của học sinh dựa theo năng

lực, hướng chọn ban, chọn tổ hợp để xét tuyển vào đại học. Theo đó, nhà trường phân phối thêm các tiết tự chọn theo nhóm môn học mà học sinh sẽ xét tuyển vào đại học. Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp cho học sinh và phụ huynh học sinh trong việc lựa chọn các ngành nghề phù hợp với năng lực, sở thích bản thân và nhu cầu lao động của xã hội. Bên cạnh đó, hàng năm học sinh khối 9 và khối 12 được nhà trường và đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp tuyên truyền nhận thức về việc lựa chọn nghề nghiệp phù hợp trước khi tốt nghiệp Trung học cơ sở và dự thi Tốt nghiệp lớp 12 Trung học phổ thông nên các em có ý thức chủ động định hướng được việc học tập sau khi tốt nghiệp, đạt yêu cầu đã đề ra [H5-5.6-01].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Tỉ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến về cơ bản tương đối ổn định, tỉ lệ học sinh xếp loại học lực yếu giảm, có năm không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu và học sinh xếp loại học lực yếu [H5-5.6-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đều đạt tỷ lệ cao; tỉ lệ học sinh lên lớp luôn đạt trên 98%; tỉ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 100% và tỉ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt trên 98% đến 100% [H5-5.6-03].

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022 – 2023:

- Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi đạt trung bình 18,4% qua 05 năm.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại khá đạt trung bình 51,8% qua 05 năm.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém đạt trung bình 0,5% qua 05 năm.

- Tỉ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%; Tỉ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% qua 05 năm.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt luôn đạt trên 94,6% qua 05 năm.

b) Hằng năm trường không có học sinh lưu ban; tuy nhiên học sinh bỏ học đạt trung bình 0,9% qua 5 năm, còn vượt 0.8% so với chuẩn quy định.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn chú trọng và có nhiều biện pháp khả thi, thực hiện hiệu quả để nâng cao chất lượng giáo dục hàng năm.

Chất lượng về hạnh kiểm, học lực, tỉ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp có chuyển biến tích cực, luôn đạt tỉ lệ cao, trong đó ý thức chấp hành nề nếp, nội quy kỷ luật học sinh có sự chuyển biến, thay đổi rõ nét.

3. Điểm yếu:

Năm học 2021 – 2022 và năm học 2022 – 2023 nhà trường vẫn còn có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu và học lực yếu phải tham gia rèn luyện trong hè và ôn tập để đủ điều kiện lên lớp.

Một số học sinh chọn nghề còn theo phong trào chưa chú trọng đến sở thích và năng lực của bản thân làm ảnh hưởng đến công tác phân luồng sau tốt nghiệp trung học phổ thông.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023 – 2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn tiếp tục chỉ đạo giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc trưng môn học, đặc điểm lứa tuổi, đối tượng học sinh, bồi dưỡng ý thức tự học trong học sinh. Hướng dẫn giáo viên thực hiện nghiêm túc việc dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất học sinh, đảm bảo chuẩn kiến thức và kỹ năng, giúp học sinh học tập, rèn luyện tiến bộ, đảm bảo lên lớp thẳng 100% (không còn hiện tượng học sinh xếp loại rèn luyện chưa đạt và xếp loại học lực yếu hằng năm).

Hằng năm, rà soát, phân loại học sinh yếu kém và lập kế hoạch thực hiện dạy học nghiêm túc có hiệu quả việc phụ đạo, bồi dưỡng kiến thức cho học sinh. Quan

tâm đến học sinh gặp khó khăn trong học tập, hỗ trợ học sinh yếu, học sinh hoàn cảnh khó khăn, học sinh nhận thức chậm để các em hòa nhập và học tập, rèn luyện ngày càng tiến bộ.

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường lên kế hoạch tập huấn cho giáo viên chủ nhiệm về công tác hướng nghiệp để định hướng tốt hơn cho học sinh khả năng lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, sở thích bản thân và nhu cầu lao động của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Qua đánh giá đúng thực trạng của nhà trường trong việc thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục, nhà trường tự đánh giá có những ưu điểm và hạn chế cơ bản sau:

Chương trình, kế hoạch giáo dục được triển khai đúng chủ đề, chủ điểm năm học và đúng quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình triển khai và tổ chức thực hiện có điều chỉnh cho phù hợp với chỉ đạo của ngành Giáo dục và thực tiễn nhà trường.

Hằng năm nhà trường đều đạt và vượt các chỉ tiêu về chất lượng của hoạt động giáo dục theo kế hoạch, chỉ tiêu xây dựng từ đầu mỗi năm học. Lãnh đạo nhà trường quan tâm đôn đốc, kiểm tra, đánh giá điều chỉnh kế hoạch hoạt động giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh kịp thời.

Kết quả giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh cũng như tỉ lệ học sinh tốt nghiệp được giữ ổn định, đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường và chuyển biến tích cực trong 05 năm học liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm học hằng năm.

Các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ chính khóa được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, tập trung giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống góp phần nâng cao nhận thức và giáo dục toàn diện cho học sinh.

Nhà trường thực hiện việc rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục, tuy nhiên còn chưa phân tích kỹ để có sự cải tiến cách thức tổ chức các hoạt động đảm bảo tính hiệu quả hơn.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 5: 06

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 06/06

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 03/06

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 0/06

Kết luận: Tiêu chuẩn 5 đạt Mức 1

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Đối chiếu với các kết quả về hoạt động giáo dục nhà trường đã đạt được trong 05 năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự đánh giá trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí như sau:

Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 22/28, chiếm tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt mức 1: 00/28; chiếm tỷ lệ 0.00%.

Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 20/28, chiếm tỷ lệ 71.43%.

Số lượng các tiêu chí không đạt mức 2: 8/28, chiếm tỷ lệ 28.57%.

Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 01/20, chiếm tỷ lệ 5%.

Số lượng các tiêu chí không đạt mức 3: 19/20, chiếm tỷ lệ 95%.

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An tự đánh giá trường đạt Mức 1.

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn An đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Đình Chung

PHẦN IV. PHỤ LỤC 4-BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát…	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Quyết định thành lập Trường THPT Chu Văn An Quyết định cho phép thành lập Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu văn An	Năm 2009 và năm 2011	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	
	2	[H1-1.1-02]	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016 – 2020 và giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.	Phương hướng chiến lược giai đoạn: 2016 – 2020; 2021 – 2025	Hiệu trưởng	
	3	[H1- 1.1- 03]	Văn bản Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Phương hướng chiến lược giai đoạn: từ năm 2016 đến năm 2020 & từ năm 2021 đến 2025	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.1-04]	Hình ảnh, tư liệu chứng minh nội dung phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường đã được đăng tải, đưa tin trên các phương tiện thông tin truyền thông. Đường dẫn truy cập vào Trang thông tin điện tử của nhà trường có đăng tải nội dung chiến lược xây dựng, phát triển theo từng giai đoạn.	Bản sao y nêm yết phương hướng chiến lược phát triển nhà trương giai đoạn 2016 – 2020; 2021 – 2025 Trang thông tin điện tử của nhà trường: www.cva.edu.vn	Nhân viên Văn thư Nhân viên phụ trách CNTT	
	5	[H1-1.1-05]	Báo cáo rà soát, đánh giá, đề xuất kiến nghị việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo định kỳ.	Định kỳ năm học 2021 – 2022; năm học 2022 – 2023	Hiệu trưởng	

Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định công nhận của Hội đồng Quản trị và Quyết định công nhận Hội đồng trường của Sở GD&ĐT;	Năm 2009, 2011, 2012, 2013, 2018 và năm 2022	Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh	
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng trường của Sở GD&ĐT.	Năm 2018 và năm 2022	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ kỷ luật	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm học của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	
	5	[H1-1.2-05]	Quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường thông qua hội đồng thành viên góp vốn xem xét.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng Chủ tịch Hội đồng Trường	
	6	[H1-1.2-06]	Sổ Nghị quyết của nhà trường và Hội đồng Quản trị (Hội đồng trường).	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Thư ký Hội đồng	

	7	[H1-1.2-07]	Kế hoạch công tác của: Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng xét Tốt nghiệp tiểu học, trung học cơ sở; Hội đồng kiểm tra, đánh giá của trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	8	[H1-1.2-08]	Báo cáo tổng kết năm học	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	9	[H1-1.2-09]	Sổ Nghị quyết của nhà trường và Hội đồng trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Thư ký Hội đồng	
	10	[H1-1.2-10]	Báo cáo tổng kết năm học	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Các Quyết định thành lập: - Chi bộ Đảng; - Công đoàn cơ sở nhà trường; - Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; - Chi đoàn giáo viên.	Chi bộ: Nhiệm kỳ 2020 – 2025 Công đoàn cơ sở: Nhiệm kỳ 2017 – 2023; 2023 – 2028 CĐGV: Nhiệm kỳ 2017 – 2022; 2022 – 2027 Đoàn TNCSHCM: Nhiệm kỳ: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023 Chi hội Khuyến học cơ sở trường: Năm 2019	Đảng bộ quận Bình Tân Công đoàn Ngành Giáo dục Quận đoàn quận Bình Tân Quận đoàn quận Bình Tân Hội Khuyến học quận Bình Tân	

	2	[H1-1.3-02]	Quyết định chuẩn y công nhận: - BCH Công đoàn cơ sở; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở các nhiệm kỳ.	Nhiệm kỳ 2017-2023; 2023-2028	Công đoàn Ngành Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh	
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định chuẩn y công nhận: - BCH Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường; Bí thư; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh các nhiệm kỳ; - BCH Chi đoàn giáo viên trường; Bí thư, Phó Bí thư Chi đoàn giáo viên các nhiệm kỳ.	Nhiệm kỳ: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023 Nhiệm kỳ 2017 – 2022; 2022 – 2027	Quận đoàn quận Bình Tân Quận đoàn quận Bình Tân	
	4	[H1-1.3-04]	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Chi hội khuyến học cơ sở nhà trường.	Năm 2019	BCH Hội khuyến học quận Bình Tân	
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ hoạt động của Chi bộ đảng;	Từ năm 2019 đến năm 2023	Bí thư Chi bộ	
	6	[H1-1.3-06]	Hồ sơ hoạt động của Công đoàn cơ sở	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	
	7	[H1-1.3-07]	Hồ sơ hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Nhiệm kỳ: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Trợ lý thanh niên BCH Đoàn trường	
	8	[H1-1.3-08]	Hồ sơ hoạt động của Chi đoàn giáo viên	Nhiệm kỳ: 2018 – 2019; 2019 –	BCH Chi đoàn	

				2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Giáo viên	
	9	[H1-1.3-09]	Hồ sơ hoạt động của Chi hội khuyến học	Từ năm 2019 đến năm 2023	BCH Chi hội Khuyến học	
	10	[H1-1.3-10]	Báo cáo sơ kết tháng, quý, 6 tháng và báo cáo tổng kết hàng năm của Chi bộ Đảng	Tứ năm 2019 đến năm 2023	Bí thư Chi bộ	
	11	[H1-1.3-11]	Báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm đánh giá về hoạt động của các đoàn thể (Công đoàn cơ sở, Đoàn trường, Chi đoàn giáo viên) và các tổ chức khác trong nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Chủ tịch Công đoàn cơ sở Đoàn trường Bí thư Chi đoàn giáo viên	
	12	[H1-1.3-12]	Hồ sơ hoạt động của Chi bộ đảng Văn bản của Đảng bộ quận Bình Tân nhận xét, đánh giá về thực hiện các hoạt động của tổ chức Đảng.	Nhiệm kỳ 2015 – 2020 Nhiệm kỳ 2020 – 2025.	Bí thư Chi bộ	
	13	[H1-1.3-13]	Quyết định của Đảng bộ cấp trên công nhận Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Từ năm 2018 đến năm 2022	Quận ủy quận Bình Tân	
	14	[H1-1.3-14]	Văn bản của các cấp quản lý nhận xét, đánh giá về thực hiện các hoạt động của tổ chức Đoàn thể và các bộ phận khác trong nhà trường.	Từ năm 2018 đến năm 2022	Công đoàn Ngành Giáo dục Quận đoàn quận Bình Tân	
	15	[H1-1.3-15]	Quyết định/văn bản công nhận Chi bộ Đảng của nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Từ năm 2018 đến năm 2022	Quận ủy quận Bình Tân	

	16	[H1-1.3-16]	Quyết định khen thưởng các đoàn thể và tổ chức khác của nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Nhiệm kỳ: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Công đoàn Ngành Giáo dục Quận đoàn quận Bình Tân	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định công nhận Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng của Sở GD&ĐT.	Năm 2017, 2019 và năm 2022	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ cá nhân của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Năm 2017, 2019 và năm 2022	Thư ký Hội đồng	
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định thành lập Tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.4-04]	Kế hoạch công tác của tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.4-05]	Sổ ghi chép nội dung sinh hoạt của tổ chuyên môn	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	6	[H1-1.4-06]	Báo cáo tổng kết đánh giá hoạt động của tổ chuyên môn	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	7	[H1-1.4-07]	Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định	Năm học: 2018 – 2019; 2019 –	Hiệu trưởng	

			của chuẩn nghề nghiệp	2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023		
	8	[H1-1.4-08]	Các chuyên đề của tổ chuyên môn	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	9	[H1-1.4-09]	Báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ nhà trường	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên học vụ	
	2	[H1-1.5-02]	Sổ gọi tên, ghi điểm	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên học vụ	
	3	[H1-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên học vụ	
	4	[H1-1.5-04]	Bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học (họ tên GVCN; họ và tên lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó).	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.5-05]	Sổ chủ nhiệm	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên học vụ	

	6	[H1-1.5-06]	Sổ Đăng bộ	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên Học vụ	
	7	[H1-1.5-07]	Sổ gọi tên ghi điểm	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên Học vụ	
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ ghi đầu bài	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên Học vụ	
	2	[H1-1.6-02]	Sổ quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên Học vụ	
	3	[H1-1.6-03]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên Văn thư	
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ hoạt động của Tổ chuyên môn	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ chuyên môn và kế hoạch giáo dục của giáo viên	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	6	[H1-1.6-06]	Bảng dự toán thu chi tài chính; thống kê; báo cáo tài chính, tài sản.	Từ năm 2018 đến năm 2023	Nhân viên Kế toán	

	7	[H1-1.6-07]	Biên bản kiểm tra kết luận của các cấp ngành về báo cáo tài chính, tài sản.	Từ năm 2018 đến năm 2023	Nhân viên Kế toán	
	8	[H1-1.6-08]	Quy chế chi tiêu nội bộ của Hội quản trị (Hội đồng trường).	Từ năm 2018 đến năm 2023	Hội đồng Quản trị; Hội đồng trường	
	9	[H1-1.6-09]	Hồ sơ quản lý tài chính của nhà trường.	Từ năm 2018 đến năm 2023	Nhân viên kế toán	
	10	[H1-1.6-10]	Hồ sơ quản lý tài sản của nhà trường.	Từ năm 2018 đến năm 2023	Nhân viên kế toán	
	11	[H1-1.6-11]	Phần mềm quản lý hành chính, tài chính của nhà trường đã và đang sử dụng.	Từ năm 2018 đến năm 2023	Nhân viên kế toán	
	12	[H1-1.6-12]	Hồ sơ quản lý tài chính của trường;	Từ năm 2018 đến năm 2023	Nhân viên kế toán	
	13	[H1-1.6-13]	Hồ sơ quản lý tài sản của nhà trường	Từ năm 2018 đến năm 2023	Nhân viên kế toán	
	14	[H1-1.6-14]	Biên bản kiểm tra, kết luận của cấp quản lý về thanh kiểm tra có đánh giá trường không vi phạm đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	Từ năm 2018 đến năm 2023	Nhân viên kế toán	
Tieu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch và phân công bồi dưỡng chuyên môn hàng năm của cán bộ quản lí, giáo viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 –	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	

				2022; 2022 – 2023		
	3	[H1-1.7-03]	Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.7-04]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên và kết quả công nhận Lao động tiên tiến.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Thư ký Hội đồng	
	5	[H1-1.7-05]	Báo cáo tổng kết năm học.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	6	[H1-1.7-06]	Biên bản Hội nghị người lao động và Bản thỏa ước lao động tập thể.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	
	7	[H1-1.7-07]	Kế hoạch và phân công cán bộ, giáo viên tham dự các lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ do Ngành Giáo dục tổ chức	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	
	8	[H1-1.7-08]	Kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường;	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	9	[H1-1.7-09]	Kế hoạch và phân công cán bộ, giáo viên tham dự các lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ do Ngành Giáo dục tổ chức	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	

	10	[H1-1.7-10]	Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	11	[H1-1.2-11]	Báo cáo tổng kết năm học.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.8-03]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng, Tổ trường chuyên môn	
	4	[H1-1.8-04]	Thời khóa biểu dạy học.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.8-05]	Sổ ghi đầu bài.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên học vụ	
	6	[H1-1.8-06]	Sổ ghi chép nội dung sinh hoạt của Tổ chuyên môn	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 –	Phó Hiệu trưởng Tổ trưởng	

				2022; 2022 – 2023	chuyên môn	
	7	[H1-1.8-07]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	8	[H1-1.8-08]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ và Hồ sơ kiểm tra nội bộ của các bộ phận và giáo viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	9	[H1-1.8-09]	Biên bản kiểm tra, đánh giá của cấp quản lý về các hoạt động giáo dục của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh	
	10	[H1-1.8-10]	Kế hoạch và hồ sơ quản lý dạy học buổi 2 và dạy học bồi dưỡng kiến thức, phụ đạo cho học sinh yếu, kém.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Nghị quyết Hội nghị người lao động.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	
	2	[H1-1.9-02]	Biên bản hội nghị người lao động cấp tổ, cấp trường và Bản Thỏa ước lao động tập thể.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo tình hình thực hiện chính sách pháp luật cho người lao động	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Chủ tịch Hội đồng trường	

	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	
	5	[H1-1.9-05]	Tổng hợp các ý kiến đề xuất, góp ý, kiến nghị của cán bộ, giáo viên, nhân viên, CMHS, học sinh và giải đáp của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở	
	6	[H1-1.9-06]	Báo cáo tình hình thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch công tác đảm bảo về an ninh trật tự, an toàn trường học; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng Phụ trách quản lý và giáo dục học sinh	
	2	[H1-1.10-02]	Quy chế phối hợp với công an về nội dung đảm bảo an toàn trường học…	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.10-04]	Phương án phòng chống cháy nổ	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.10-05]	Kế hoạch tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh trong nhà trường	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 –	Nhân viên Y tế	

				2022; 2022 – 2023		
	6	[H1-1.10-06]	Hợp đồng với các tổ chức, cá nhân về đảm bảo an toàn thực phẩm và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Chủ tịch Hội đồng trường	
	7	[H1-1.10-07]	Biên bản tiếp nhận và xử lý các thông tin phản ánh của người dân đối với nhà trường qua hộp thư góp ý và qua điện thoại đường dây nóng.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	8	[H1-1.10-08]	Các chuyên đề tuyên truyền về nội dung bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trong nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Trợ lý thanh niên	
	9	[H1-1.10-09]	Các chuyên đề truyên truyền, phổ biến về nội dung: đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Nhân viên Y tế	
	10	[H1-1.10-10]	Biên bản (hình ảnh) ghi nhận nội dung triển khai, phổ biến các nội dung về đảm bảo an ninh trật tự.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý học sinh Đoàn Thanh niên	
	11	[H1-1.10-11]	Hồ sơ thu thập, xử lý các vụ việc có liên quan đến bạo lực học đường, an toàn an ninh trật tự.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý và giáo dục học sinh	

Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	Năm 2018, 2019 và năm 2022	Thư ký hội đồng	
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ và kết quả đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Thư ký hội đồng	
	3	[H1-2.1-03]	Kết quả (chứng chỉ, chứng nhận) về học tập, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	Theo giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	
	4	[H2-2.1-04]	Tổng hợp ý kiến của giáo viên góp ý Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng về công tác quản lý giáo dục nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Thư ký hội đồng	
	5	[H2-2.1-05]	Chứng chỉ (chứng nhận) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị.	Theo giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	
	6	[H2-2.1-06]	Biên bản lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Thư ký hội đồng	
Tiêu chí 2.2	1	[H2 - 2.2- 01]	Bảng phân công giảng dạy và công tác kiêm nhiệm của giáo viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	
	2	[H2 - 2.2- 02]	Hồ sơ giáo viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Tổ trưởng Văn phòng	
	3	[H2 - 2.2- 03]	Danh sách giáo viên có cập nhật thông tin về trình độ đào tạo.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 –	Tổ trưởng Văn phòng	

				2022; 2022 – 2023		
	4	[H1-2.2- 04]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá, xếp loại giáo viên của trường theo chuẩn nghề nghiệp.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng Nhân viên Giáo vụ	
	5	[H2 - 2.2- 05]	Danh sách giáo viên có cập nhật thông tin đạt chuẩn và đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Tổ trưởng Văn phòng	
	6	[H1- 2.2- 06]	Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên của nhà trường theo quy định của chuẩn nghề nghiệp giáo viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Nhân viên Giáo vụ	
	7	[H2 - 2.2- 07]	Quyết định phân công giáo viên phụ trách hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, phân luồng học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Bảng phân công nhiệm vụ cho nhân viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Tổ trưởng Văn phòng	
	2	[H2-2.3-02]	Danh sách nhân viên của nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Tổ trưởng Văn phòng	
	3	[H2-2.3-03]	Danh sách đánh giá, xếp loại và kết quả thi đua khen thưởng nhân viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Tổ trưởng Văn phòng	
	4	[H2.2.3-04]	Danh sách nhân viên của nhà trường có thông tin	Năm học: 2018 – 2019; 2019 –	Tổ trưởng Văn	

			về trình độ đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ.	2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	phòng	
	5	[H2-2.3-05]	Bảng phân công nhiệm vụ cho nhân viên	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Tổ trưởng Văn phòng	
	6	[H2-2.3-06]	Danh sách đánh giá, xếp loại và kết quả thi đua khen thưởng nhân viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Tổ trưởng Văn phòng	
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Sổ đăng bộ cập nhật học sinh nhập học của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên học vụ	
	2	[H2-2.4-02]	Sổ gọi tên, ghi điểm.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên học vụ	
	3	[H2-2.4-03]	Sổ chủ nhiệm.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên học vụ	
	4	[H2-2.4-04]	Bản ký kết hợp đồng giáo dục giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Bộ phận phụ trách công tác quản lý, giáo dục học sinh	
	5	[H2-2.4-05]	Bản nội quy học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 –	Hiệu trưởng	

				2022; 2022 – 2023		
	6	[H2-2.4-06]	Bản ký kết hợp đồng giáo dục giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Bộ phận phụ trách công tác quản lý, giáo dục học sinh	
	7	[H2-2.4-07]	Sổ chủ nhiệm.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên học vụ	
	8	[H2-2.4-08]	Nội quy, quy định của nhà trường về thực hiện nề nếp, kỷ luật học đường đối với học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Bộ phận phụ trách công tác quản lý, giáo dục học sinh	
	9	[H2-2.4-09]	Hồ sơ minh chứng (biên bản) liên quan đến việc giáo dục học sinh vi phạm những hành vi không được làm.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Bộ phận phụ trách công tác quản lý, giáo học sinh	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của trường Sơ đồ tổng thể toàn bộ khuôn viên khu vực nhà trường	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hội đồng trường, Phụ trách quản lý cơ sở vật chất	
	2	[H3-3.1-02]	Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hội đồng trường, Phụ trách quản	

					lý cơ sở vật chất	
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu để luyện tập Thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục khác	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hồ sơ quản lý tài sản của nhà trường	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Nhân viên kế toán	
	2	[H3-3.2-02]	Biên bản tự kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất Nhân viên kế toán	
	3	[H3-3.2-03]	Hồ sơ quản lý tài sản, thiết bị các phòng học bộ môn	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất Nhân viên kế toán	
	4	[H3-3.2-04]	Hồ sơ quản lý tài sản và thiết bị phòng thư viện, phòng Đoàn Thanh niên và phòng truyền thống.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất Nhân viên kế toán	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Sơ đồ tổng thể của nhà trường và sơ đồ bố trí khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính, quản trị.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất Nhân viên kỹ thuật	
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh nhà để xe cho giáo viên và học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 –	Phụ trách quản	

				2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	lý cơ sở vật chất Nhân viên kỹ thuật	
	3	[H3-3.3-03]	Biên bản kiểm tra tài sản khối hành chính-quản trị. Bản dự trù đề xuất sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023.	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất Nhân viên kế toán	
	4	[H3-3.3-04]	Sơ đồ bố trí khối phòng hành chính – quản trị nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở chất	
	5	[H3-3.3-05]	Sơ đồ (hồ sơ thiết kế) khu bếp ăn tập thể của nhà trường và Biên bản kiểm tra khu bếp ăn, nhà ăn của các cấp quản lý.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất Nhân viên Y tế	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Biên bản kiểm tra định kỳ của bộ phận	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023.	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất Nhân viên Y tế	
	2	[H3-3.4-02]	Biên bản kiểm tra của Trung tâm y tế về nguồn nước sạch Kết quả xét nghiệm nguồn nước sạch sinh hoạt. Hợp đồng nước uống cho giáo viên, học sinh theo quy định.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất Nhân viên Y tế	
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác thải và xử lý chất thải của cơ sở vệ sinh môi trường với nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất Nhân viên Y tế	

Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Bảng thống kê danh mục thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ hoạt động chuyên môn của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất	
	2	[H3-3.5-02]	Hồ sơ quản lý tài sản và thiết bị dạy học.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất	
	3	[H3-3.5-03]	Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị dạy học và biên bản kiểm kê cơ sở vật chất của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phụ trách quản lý cơ sở vật chất Giáo viên phụ trách thiết bị dạy học	
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hồ sơ sổ sách quản lý thư viện nhà trường	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng, Giáo viên phụ trách thư viện	
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch công tác của thư viện.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Giáo viên phụ trách thư viện	
	3	[H3-3.6-03]	Biên bản kiểm tra của các cấp, ngành về hoạt động của thư viện.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Đoàn kiểm tra chéo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố	

	4	[H3-3.6-04]	Biên bản kiểm kê sách thư viện và đề xuất bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục và các xuất bản phẩm tham khảo.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Giáo viên phụ trách thư viện	
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Văn bản công nhận Ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp; của trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch công tác của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Ban đại diện CMHS	
	3	[H4-4.1-03]	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh	
	4	[H4-4.1-04]	Biên bản họp cha mẹ học sinh định kỳ của lớp, của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	
	5	[H4-4.1-05]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục năm học.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng; Ban đại diện cha mẹ học sinh	
	6	[H4-4.1-06]	Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng; Ban đại diện cha mẹ học sinh	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Kế hoạch tham mưu với cấp ủy đảng, với chính quyền và các tổ chức đoàn thể về thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	

	2	[H4-4.2-02]	Kế hoạch tuyển sinh năm học.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	3	[H4-4.2-03]	Văn bản báo cáo các hoạt động giáo dục của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	4	[H4-4.2-04]	Danh sách huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho quỹ khuyến học nhà trường	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng, BCH Chi hội khuyến học	
	5	[H4-4.2-05]	Danh sách huy động đóng góp của phụ huynh học sinh cho quỹ khuyến học nhà trường	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng BCH Chi hội khuyến học	
	6	[H4-4.2-06]	Văn bản của nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền tạo về thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng; Chủ tịch Hội đồng trường	
	7	[H4-4.2-07]	Hình ảnh, tư liệu chăm sóc di tích lịch sử; tham quan nhà bảo tàng cách mạng.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Trợ lý thanh niên	
	8	[H4-4.2-08]	Hình ảnh, tư liệu giáo viên, học sinh thăm gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với Cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Trợ lý thanh niên	
	9	[H4-4.2-09]	Báo cáo kết quả giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	

Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.1-02]	Kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn, của giáo viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng; Tổ trưởng chuyên môn	
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch công tác chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng. Thư ký hội đồng	
	4	[H5-5.1-04]	Sổ ghi chép nội dung sinh hoạt của tổ chuyên môn	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng; Tổ trưởng chuyên môn	
	5	[H5-5.1-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết các hoạt động giáo dục năm học.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng; Tổ trưởng chuyên môn	
	6	[H5-5.1-06]	Quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	7	[H5-5.1-07]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá định kỳ, cuối kỳ của năm học.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	

	8	[H5-5.1-08]	Kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	9	[H5-5.1-09]	Kế hoạch giáo dục năm học của tổ chuyên môn.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng Tổ trưởng chuyên môn	
	10	[H5-5.1-10]	Kế hoạch giáo dục năm học của giáo viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng Giáo viên bộ môn	
	11	[H5-5.1-11]	Kế hoạch tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi (học sinh có năng khiếu) các năm học.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	12	[H5-5.1-12]	Kế hoạch bồi dưỡng văn hóa, phụ đạo cho học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	13	[H5-5.1-13]	Báo cáo sơ kết, tổng kết các hoạt động giáo dục hàng năm có đánh giá kết quả học sinh giỏi, phụ đạo bồi dưỡng kiến thức cho học sinh yếu, gặp khó khăn trong học tập.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch bồi dưỡng văn hóa, phụ đạo cho học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.2-02]	Kế hoạch tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi (học sinh có năng khiếu) trong học tập	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	

	3	[H5-5.2-03]	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi (học sinh năng khiếu) các bộ môn văn hóa.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng; Giáo viên bộ môn	
	4	[H5-5.2-04]	Hồ sơ dạy học phụ đạo, bồi dưỡng kiến thức văn hóa cho học sinh	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng; Giáo viên bộ môn	
	5	[H5-5.2-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm (có nội dung đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện).	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	6	[H5-5.2-06]	Hình ảnh, danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng mục tiêu giáo dục được nhà trường công nhận	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng; Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch công tác chuyên môn năm học của tổ, nhóm, giáo viên (có nội dung lồng ghép giáo dục địa phương vào các môn học)	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.3-02]	Nội dung giảng dạy giáo dục địa phương của giáo viên.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H5-5.3-03]	Quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh năm học (có nội dung hướng dẫn kiểm tra, đánh giá nội dung giáo dục địa phương).	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	

	4	[H5-5.3-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm của tổ chuyên môn (có nội dung rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương).	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng; Tổ trưởng chuyên môn	
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp năm học.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.4-02]	Bài thu hoạch của học sinh về nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H5-5.4-03]	Hình ảnh, tư liệu, kết quả về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	[H5-5.4-04]	Quyết định phân công giáo viên, nhân viên tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng; Giáo viên bộ môn	
	2	[H5-5.5-02]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn (có định hướng tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh qua các môn học).	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng Giáo viên bộ môn	
	3	[H5-5.5-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm (có đánh giá về quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 –	Phó Hiệu trưởng	

			biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục).	2022; 2022 – 2023		
	4	[H5-5.5-04]	Các báo cáo chuyên đề, chủ đề tuyên truyền về hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng Giáo viên giảng dạy	
	5	[H5-5.5-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm (có nội dung đánh giá về đạo đức, hành vi, lối sống của học sinh được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam)	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.6-02]	Kế hoạch giáo dục năm học của tổ chuyên môn.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng Tổ trưởng chuyên môn	
	3	[H5-5.6-03]	Bảng thống kê kết quả học lực, hạnh kiểm 5 năm tính đến thời điểm đánh giá.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Thư ký hội đồng	
	4	[H5-5.6-04]	Bảng thống kê về kết quả học sinh lên lớp và tốt nghiệp của nhà trường.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Thư ký hội đồng	

	5	[H5-5.6-05]	Báo cáo kết quả hướng nghiệp và phân luồng học sinh lớp 9 và lớp 12.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	6	[H5-5.6-06]	Bảng thống kê so sánh về kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Thư ký hội đồng	
	7	[H5-5.6-07]	Bảng thống kê so sánh về kết quả học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.	Năm học: 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023	Thư ký hội đồng	